VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN THỊ HẢI ANH

ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI VỤ ÁN THAM NHŨNG TỪ THỰC TIỄN TỈNH THANH HÓA

Chuyên ngành : Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số : 8 38 01 02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

HÀ NỘI, năm 2021

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Học viện Khoa học xã hội.

Vậy tôi viết lời cam đoan này đề nghị Học viện xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

MỤC LỤC

Mở đầu..... 1

Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp luật về áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng..... 9

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng..... 9

1.2. Nội dung và trình tự áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng..... 18

1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng..... 25

Chương 2. Thực trạng áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng tại tỉnh Thanh Hóa..... 33

2.1. Một số yếu tố đặc thù tác động đến hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng tại tỉnh Thanh Hoá.....33

2.2. Hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng tại tỉnh Thanh Hóa..... 41

2.3. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng tại tỉnh Thanh Hoá.....50

Chương 3. Quan điểm và giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng từ thực tiễn tỉnh Thanh Hóa.....60

3.1. Quan điểm bảo đảm áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố từ thực tiễn tỉnh Thanh Hoá..... 60

3.2. Giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng từ thực tiễn tỉnh Thanh Hoá..... 65

Kết luận.....79

Danh mục tài liệu tham khảo.....81

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

VKSND	Viện Kiểm sát nhân dân
KSV	Kiểm sát viên
QCT	quyền công tố
TTHS	Tố tụng hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
BLHS	Bộ luật hình sự
CCTP	Cải cách tư pháp
CQĐT	Cơ quan điều tra
UBND	Ủy ban nhân dân
PCTN	Phòng chống tham nhũng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tham nhũng là vấn nạn của nhiều nước trên thế giới. Hậu quả, tác hại của tham nhũng gây ra đối với xã hội là rất lớn, nó làm cho bộ máy Nhà nước bị tha hóa, làm mất lòng tin của nhân dân đối với chính quyền, làm suy thoái nền kinh tế, gây hậu quả xấu về nhiều mặt của đời sống xã hội. Ở nước ta, tệ nạn tham nhũng và quan liêu, lãng phí đã được xem là một trong bốn nguy cơ, thách thức lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ. Vì vậy Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, chú trọng đến công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng (PCTN). Nhiều vụ án tham nhũng lớn, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng như vụ án Đinh La Thăng xảy ra ở tập đoàn dầu khí Việt Nam, vụ án Hà Văn Thắm tham ô tai sản xảy ra tại ngân hàng thương mại cổ phần địa phương, vụ Huỳnh Ngọc Sỹ nguyên Giám đốc Ban quản lý dự án đại lộ Đông Tây, Lã Thị Kim Oanh, tham nhũng đất đai ở Đồ Sơn, Vinashin,... đã được phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm minh, kịp thời góp phần phát triển nền kinh tế, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, so với yêu cầu của công cuộc đổi mới, phát triển đất nước thì công tác đấu tranh PCTN vẫn còn nhiều hạn chế. Thực tiễn cho thấy tội phạm về tham nhũng không những không thuyên giảm mà còn có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, xảy ra ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực với tính chất, thủ đoạn phạm tội ngày càng đa dạng, tinh vi gây hậu quả lớn hơn và nghiêm trọng hơn.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) đã ra Nghị quyết số 04-NQ/ TW ngày 21 tháng 8 năm 2006 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, trong đó nêu rõ: *Cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí còn nhiều hạn chế, khuyết điểm, hiệu quả thấp. Tham nhũng, lãng phí vẫn diễn ra nghiêm trọng ở nhiều*

ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực với phạm vi rộng, tính chất phức tạp, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm lòng tin của nhân dân, là một trong những nguy cơ lớn đe doạ sự tồn vong của Đảng và chế độ ta... Phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Trong những năm tới, phải đẩy mạnh toàn diện và kiên quyết cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Như vậy, phòng chống tham nhũng, lãng phí nói chung và đặc biệt là đấu tranh ngăn chặn tội phạm về tham nhũng nói riêng là một nhiệm vụ quan trọng của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Trong đó, các cơ quan chuyên trách về phòng chống tham nhũng có vai trò là trung tâm, mũi nhọn trong việc đấu tranh, ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí. Các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng, trong đó có VKSND phải phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật các tội phạm về tham nhũng, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội. Để làm được điều đó, một trong những hoạt động rất quan trọng của VKSND cần được đề cao và thực hiện có hiệu quả là hoạt động áp dụng pháp luật.

Yêu cầu đặc biệt quan trọng đối với hoạt động áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố của VKSND đối với vụ án tham nhũng liên quan trước hết đến tính chất của tội phạm tham nhũng. Trên thực tế, các tội phạm tham nhũng là một trong những nhóm tội có mức độ nguy hiểm cho xã hội cao, do tội phạm về tham nhũng thường do những người có chức vụ, quyền hạn, có trình độ kiến thức cao, có các mối quan hệ phức tạp thực hiện, thủ đoạn tinh vi hơn so với các tội phạm thông thường khác nên công tác điều tra, truy tố và xét xử các vụ án về tham nhũng là hết sức khó khăn và không phải lúc nào cũng thu được kết quả. Trong khi đó, trên phương diện nhận thức lý luận về áp dụng pháp luật trong

thực hành quyền công tố của VKSND đối với vụ án tham nhũng vẫn còn nhiều vấn đề chưa rõ. Trên phương diện thực tiễn vẫn còn nhiều vướng mắc, bất cập trong áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố của VKSND đối với vụ án tham nhũng.Tình hình này bộc lộ khá rõ trong hoạt động tại VKSND tỉnh Thanh Hoá.

Tỉnh Thanh Hóa được xác định là 1 trong 5 tuyến, địa bàn nhiều án tham nhũng trong cả nước. Thời gian qua, công tác thực hành quyền công tố của VKSND tỉnh Thanh Hóa đã đạt được những kết quả quan trọng. Việc áp dụng đầy đủ, đúng đắn các quy định pháp luật về thực hành quyền công tố đã hạn chế tình trạng truy tố oan sai, đã phát hiện, khởi tố, xử lý kịp thời các hành vi phạm tội và tội phạm, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân góp phần hiệu quả trong công cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm, giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bên cạnh đó, thực tiễn cho thấy công tác thực hành QCT vẫn còn những hạn chế, bất cập như: vẫn còn một số vụ án truy tố sai, gây bức xúc trong nhân dân, tìnhtrạng bỏ lọt tội phạm, chất lượng xét hỏi của KSV còn hạn chế, KSV chưa làm tốt công tác chuẩn bị cho hoạt động xét xử, chất lượng tranh tụng trong nhiều phiên tòa chưa thực sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, việc áp dụng các quy định của pháp luật khi truy tố còn bộc lộ nhiều hạn chế….

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn của áp dụng pháp luật trong thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng tại VKSND tỉnh Thanh Hóa, từ đó đề xuất được những giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật trong thực hành QCT của VKSND đối với tội phạm tham nhũng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá nói riêng, trên địa bàn cả nước nói chung, học viên đã mạnh dạn lựa chọn chủ đề: **"***Áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng từ thực tiễn tỉnh Thanh Hóa***"** để triển khai trong quy mô của luận văn Thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan tới đề tài

Đã có nhiều bài viết, nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này như:

- Luận án tiến sĩ: "*Phòng, chống tham nhũng trong các cơ quan nhà nước cấp trung ương thông qua công tác kiểm tra của Đảng Cộng sản Việt Nam*" của Trần Văn Tĩnh.

-Luận văn thạc sĩ: "*Áp dụng pháp luật thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các tội về tham nhũng của Viện kiểm sát nhân dân ở tỉnh Bắc Giang*" của Ngô Văn Tuấn.

- Luận văn thạc sĩ: "*Các tội phạm về tham nhũng trong Luật hình sự Việt Nam*" của Nguyễn Văn Hải.

- Luận văn thạc sĩ: "*Các hoạt động thực thi công ước về phòng, chống tham nhũng của Việt Nam được đánh giá có hiệu quả*" của Trần Đức Lượng.

- Luận văn thạc sĩ: "*Thành phố Hồ Chí Minh tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống tham nhũng*" của Nguyễn Hữu Nhân.

- Luận văn thạc sĩ: "*Chủ thể thực hiện hành vi tham nhũng trong tổ chức, doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước theo Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018*" của Dương Văn Quý.

- Luận văn thạc sĩ: "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015*" của Hà Đức Dũng.

Các công trình trên thường được các tác giả nghiên cứu ở nhiều phương diện và cấp độ khác nhau như: tội phạm học, Hình pháp học, luật học. Đã có một sốcông trình nghiên cứu về vấn đề thực hành quyền công tố và vấn đề phòng, chống tham nhũng ở một số địa phương nhưng cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách các hệ thống dưới góc độ lý luận chung về nhà nước và pháp luật về hoạt động thực hành quyền công tố của viện kiểm sát nhân dân đối với án tham nhũng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Đây là vấn đề cần

được tập trung nghiên cứu bởi công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng ngoài đặc điểm chung thì ở mỗi địa phương, mỗi loại đối tượng lại có những đặc điểm riêng như địa lý, kinh tế, xã hội, tập quán, lối sống, phương thức thủ đoạn phạm tội... Hơn nữa, tỉnh Thanh Hóa là một địa bàn phức tạp,án tham nhũng là án lớn nhưng công tác tổng kết rút kinh nghiệm chưa được tiến hành một cách đầy đủ, khoa học. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài: *Áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng từ thực tiễn tỉnh Thanh Hóa* sẽ có ý nghĩa thiết thực trong công tác phòng, chống tội phạm tham nhũng nói chung và áp dụng pháp luật trong thực hành QCT của VKSND đối với các vụ án tham nhũng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa nói riêng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn có mục đích tổng quát là xây dựng luận cứ khoa học cho việc đề xuất các giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luậtvề thực hành QCTđối với các vụ án tham nhũng tại tỉnh Thanh Hóa nói riêng, trên địa bàn cả nước nói chung.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về áp dụng pháp luật trong thực hành QCTđối với vụ án tham nhũng.
- Nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng ở Việt Nam.
- Phân tích thực trạng áp dụng pháp luật về thực hành QCT của VKSND cấp tỉnh đối với các vụ án tham nhũng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.
- Nghiên cứu đề xuất quan điểm và giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với các vụ án tham nhũng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá nói riêng, trên địa bàn cả nước nói chung.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Các quan điểm khoa học về phòng, chống tội phạm tham nhũng, thực hành QCT và áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng.
- Các quy định pháp luật về thực hành QCT và áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng ở Việt Nam.
- Thực tiễn áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng tại VKSND tỉnh Thanh Hoá.
- Một số kinh nghiệm của các địa bàn khác trong áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi nội dung*: Phòng, chống tội phạm tham nhũng là vấn đề nhạy cảm và rất phức tạp ở nước ta hiện nay. Theo đó, áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng vừa là nhiệm vụ quan trọng của VKSND các cấp, vừa là nhiệm vụ khó khăn, nặng nề. Để góp phần bảo đảm chất lượng, hiệu quả áp dụng pháp luật về áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng cần có sự phân tích thấu đáo trên phương diện lý luận và đánh giá đầy đủ các thông tin, số liệu trên phương diện thực tiễn. Nói cách khác, việc nghiên cứu chủ đề luận văn đòi hỏi phải tiến hành cẩn trọng để đưa ra các luận điểm có tính thuyết phục cao. Vì vậy, trong quy mô cho phép của luận văn thạc sĩ luật học, học viên xin phép giới hạn phạm vi nghiên cứu chỉ đối với hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành QCTcủa VKSND cấp tỉnh, dựa trên các thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

- *Phạm vi không gian*: Hoạt động của VKSND cấp tỉnh tại Thanh Hoá.

- *Phạm vi thời gian*: Giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2020

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và ngành Kiểm sát về đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng; các học thuyết chính trị và pháp lý về tổ chức bộ máy nhà nước nói chung và các cơ quan tư pháp nói riêng.

5.1. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, luận văn sử dụng những phương pháp nghiên cứu như: phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh và một số phương pháp khác.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về phương diện lý luận: Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận chủ yếu liên quan đến hoạt động áp dụng pháp luật nói chung và áp dụng pháp luật trong thực hành QCTđối với vụ án tham nhũng nói riêng.

Về phương diện thực tiễn: Luận văn đánh giá khách quan, khoa học về thực trạng, chỉ rõ nguyên nhân của ưu điểm và hạn chế về áp dụng pháp luật trong thực hành QCTđối với vụ án tham nhũng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, đồng thời, luận văn đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng tại tỉnh Thanh Hóa, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong giảng dạy, học tập và áp dụng vào thực tiễn thực hành QCT của VKSND cấp tỉnh trong đấu tranh phòng chống loại tội phạm tham nhũng ở Việt Nam.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận vănгồm 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp luật về áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng

Chương 2: Thực trạng áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng tạitỉnh Thanh Hóa

Chương 3: Quan điểm và giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng từ thực tiễn tỉnh Thanh Hóa.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG THỰC HÀNHQUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI VỤ ÁN THAM NHŨNG

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng

1.1.1. Khái niệm áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng

1.1.1.1. Tham nhũng và vụ án tham nhũng

Tham nhũng là một hiện tượng tiêu cực xã hội có tính lịch sử, xuất hiện cùng với sự ra đời của Nhà nước. Tham nhũng tồn tại ở mọi chế độ xã hội, với những biểu hiện và mức độ khác nhau, tuỳ thuộc bối cảnh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ trong từng giai đoạn phát triển.

Tham nhũng là một khuyết tật bẩm sinh của quyền lực, không có quyền lực thì không thể thực hiện hành vi tham nhũng. Ba yếu tố làm nảy sinh tham nhũng đó là: lòng tham, quyền lực, và điều kiện hoàn cảnh kinh tế, chính trị, xã hội. Trong xã hội có giai cấp và nhà nước, một số người muốn sống sung túc nhưng không phải bằng sức lao động của chính mình hay bằng cách thức hợp pháp. Nhu cầu đó đã biến họ trở thành tham lam, ích kỷ, hám lợi. Để thỏa mãn lòng tham, sự hám lợi đó, một số người có chức vụ, quyền hạn đã dùng quyền lực được giao để chiếm đoạt tài sản nhà nước, tài sản của tập thể, tài sản và quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, không phải lúc nào người có chức vụ, quyền hạn cũng có thể lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để thỏa mãn tính vụ lợi của mình, mà phải trong những điều kiện hoàn cảnh nhất định như: pháp luật sơ hở, chế độ quản lý cán bộ, công chức lỏng lẻo, yếu kém... thì người có chức vụ, quyền hạn mới thoả mãn được lòng tham, tính vụ lợi đó của mình.

Ở nhiều nước trên thế giới, khái niệm về tham nhũng tương đối thống nhất. Theo nghĩa rộng, tham nhũng được hiểu là hành vi của bất kỳ người nào có chức

vụ, quyền hạn hoặc được giao nhiệm vụ, quyền hạn và lợi dụng chức vụ, quyền hạn, hoặc nhiệm vụ được giao để vụ lợi. Theo nghĩa hẹp, tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, lợi dụng chức vụ và quyền hạn để trục lợi cá nhân. Tài liệu hướng dẫn của Liên hợp quốc về cuộc đấu tranh quốc tế chống tham nhũng (năm 1969) định nghĩa tham nhũng theo nghĩa hẹp, xem đó là hành vi lợi dụng quyền lực nhà nước để trục lợi riêng.

Ở Việt Nam, Từ điển Tiếng Việt giải nghĩa tham nhũng là "lợi dụng quyền hạn để nhũng nhiễu dân và lấy của" [21; tr.910]. Trên phương diện pháp lý, tham nhũng ở Việt Nam được hiểu theo nghĩa hẹp. Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 xác định tham nhũng là "Hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi". Khoản 1 Điều 3 của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018, (có hiệu lực từ ngày 01/7/2019) đã giữ nguyên khái niệm nói trên. Để làm rõ hơn khái niệm tham nhũng, Khoản 7 Điều 3, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 xác định: "Vụ lợi là việc của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng". Đây là một khái niệm tương đối bao quát xác định bản chất của các hành vi tham nhũng phổ biến trong xã hội Việt Nam hiện nay.

Như vậy, mặc dù có các cách diễn đạt khác nhau, nhưng điểm chung của hành vi tham nhũng là hành vi của người hoặc nhóm người có quyền lực, lợi dụng quyền lực để trục lợi riêng. Người có chức vụ, quyền hạn chỉ giới hạn ở những người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị, tức là ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách, vốn, tài sản của nhà nước.

Trên thực tế, hành vi tham nhũng biểu hiện rất đa dạng, dưới nhiều hình thức khác nhau. Bộ luật Hình sự năm 2015 và Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định những hành vi sau đây thuộc nhóm các hành vi tham nhũng:

1. Tham ô tài sản.

2. Nhận hối lộ.

3. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

5. Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi.

7. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi.

8. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi.

9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi.

10. Những nhiễu vì vu lợi.

11. Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

12. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

Như vậy, khi một trong các hành vi nói trên xuất hiện thì được xem là xuất phát điểm cho một vụ án tham nhũng, dẫn đến hoạt động của các cơ quan tố tụng trong chu trình tư pháp nhằm giải quyết vụ án, khôi phục lại trật tự xã hội đã bị ảnh hưởng do hành vi gây ra.

1.1.1.2. Quyền công tố và thực hành quyền công tố

Quyền công tố là một khái niệm pháp lý gắn liền với bản chất nhà nước. QCT được hiểu là quyền của nhà nước, nhân danh lợi ích của nhà nước và xã hội quyết định có truy tố hay không truy tố một người ra trước tòa án để xét xử. Việc thực hiện QCTảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi, danh dự, nhân phẩm, tính mạng, tài sản của công dân nên bất cứnhà nước nào cũng quy định trình tự và thủ tục tố tụng rất chặt chẽ và phải do một chức danh pháp lý là Công tố viên (hoặc Kiểm sát viên) thực hiện. QCTđược thực hiện độc lập, không ai có quyền quyết định và can thiệp vào hoạt động truy tố của Công tố viên.

Quyền công tố ở Việt Nam là quyền của nhà nước giao cho VKSND thực hành nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội và thực hiện việc buộc tội đối với người đó trước phiên tòa.Ngay sau khi đất nước giành được độc lập (ngày 02/9/1945), hoạt động công tố của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nằm trong Tòa án. Sự phát triển của ngành công tố từ năm 1945 đến trước năm 1958 chủ yếu gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển của Tòa án. Ngày 01/7/1958, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 256-TTg quy định nhiệm vụ của cơ quan công tố trong điều tra là điều tra và truy tố trước Tòa những kẻ phạm pháp về hình sự. Thuật ngữ *Thực hành quyền công tố* lần đầu xuất hiện tại Chương 2, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002. Tại Điều 107 Hiến pháp năm 2013 quy định về chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân: "VKSND thực hành quyền công tố, kiểm sát các hoạt động tư pháp". Thực hiện QCT và kiểm sát điều tra là hai chức năng của Viện kiểm sát nhân dân được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014.

Hiện nay, khái niệm thực hành QCT cũng được đề cập rất phổ biến trong các văn bản của Đảng, Chính phủ và nhiều văn bản pháp luật khác, với mục

tiêu nhấn mạnh nhu cầu nâng cao chất lượng hoạt động công tố để chống bỏ lọt tội phạm.

Như vậy, trên cả phương diện chính trị và pháp lý, thực hành quyền công tố là việc *Viện Kiểm sát nhân dân sử dụng các quyền năng pháp lý theo quy định của pháp luật để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi phạm tội nhằm bảo đảm việc truy tố tội phạm được công bằng, nghiêm minh, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.*

Theo đó, có thể hiểu thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng là việc *Viện kiểm sát nhân dân sử dụng quyền năng pháp lý theo luật định để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi phạm tội về tham nhũng nhằm bảo đảm việc truy tố được công bằng, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội.*

1.1.1.3. Áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng

Áp dụng pháp luật là hoạt động thực hiện pháp luật mang tính tổ chức quyền lực nhà nước, được thực hiện bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách hoặc tổ chức xã hội được nhà nước trao quyền, nhằm cá biệt hoá quy phạm pháp luật vào các trường hợp cụ thể, đối với cá nhân, tổ chức cụ thể.

Áp dụng pháp luật được tiến hành trong các trường hợp sau:

- Khi xảy ra tranh chấp giữa các bên tham gia quan hệ pháp luật về quyền và nghĩa vụ mà tự họ không thể giải quyết được, phải nhờ cơ quan nhà nước (hoặc cơ quan của tổ chức xã hội) có thẩm quyền giải quyết.
- Khi quyền và nghĩa vụ của các chủ thể không mặc nhiên phát sinh nếu thiếu sự can thiệp của Nhà nước.
- Khi cần áp dụng chế tài pháp luật đối với chủ thể vi phạm pháp luật.

- Khi nhà nước thấy cần kiểm tra, giám sát hoạt động của các chủ thể quan hệ pháp luật hoặc để xác định sự tồn tại hay không tồn tại của sự kiện thực tế có ý nghĩa pháp lí như xác nhận di chúc, xác nhận văn bằng, chứng chỉ, hợp đồng viết tay, chữ kí của người có thẩm quyền...

Áp dụng pháp luật trong thực hành QCT với các vụ án hình sự là một dạng của áp dụng pháp luật nói chung. Áp dụng pháp luật trong thực hành QCT thuộc trường hợp áp dụng pháp luật khi nhà nước thấy cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, cần phải áp dụng chế tài pháp luật đối với người phạm tội.

Cơ sở phát sinh hoạt động áp dụng pháp luật trong thực hành QCT của VKSND là việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự, TTHS vào thực tiễn vụ việc cụ thể nhằm truy tố một người ra trước pháp luật, buộc người đó phải chịu trách nhiệm pháp lý cho hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

Dưới góc độ lý luận chung về áp dụng pháp luật, áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, là hoạt động mang tính tổ chức quyền lực nhà nước của các cơ quan có thẩm quyền nhằm cá biệt hóa những quy phạm pháp luật vào từng trường hợp cụ thể đối với những cá nhân, đơn vị, tổ chức cụ thể. Áp dụng pháp luật trong thực hành QCT với các vụ án hình sự có thể coi là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước của VKSND nhằm cá biệt hóa các quy phạm pháp luật nói chung và các quy phạm pháp luật TTHS nói riêng đối với các chủ thể trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự.

Như vậy, *áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng là hoạt động của VKSND và Kiểm sát viên vận dụng các quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ của VKSND để thực hiện việc truy cứu TNHS đối với người có hành vi tham nhũng trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự.*

1.1.2. Đặc điểm của áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng

Thứ nhất, áp dụng pháp luật trong thực hành QCT trong các vụ án tham nhũng là hoạt động chỉ do VKSND tiến hành theo pháp luật quy định. VKSND áp dụng pháp luật trong thực hành QCT để giải quyết các vụ án tham nhũng bằng các hành vi như yêu cầu khởi tố, hủy bỏ quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án trái pháp luật, phê chuẩn, không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra; trực tiếp khởi tố vụ án, khởi tố bị can trong những trường hợp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định; Quyết định, phê chuẩn việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra, truy tố theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Hủy bỏ các quyết định tố tụng trái pháp luật khác trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra của Cơ quan điều tra; Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra thực hiện… và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc buộc tội đối với người phạm tội theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Thứ hai, áp dụng pháp luật trong thực hành QCT trong các vụ án tham nhũng của VKSND phải tuân thủ những quy định về trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Đó là các quy định của pháp luật TTHS về trình tự, thủ tục của các hoạt động tố tụng, như: khởi tố vụ án; khởi tố bị can; các biện pháp điều tra; các biện pháp ngăn chặn; đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; thời hạn điều tra, hoạt động truy tố, xét xử. Tất cả các hoạt động này đều có mục đích chung bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội tham nhũng phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Thứ ba, quyết định áp dụng pháp luật trong trong thực hành QCT trong các vụ án tham nhũng của VKSND được pháp luật bảo đảm thi hành. Việc tổ chức thực hiện quyết định áp dụng pháp luật đã ban hành là giai đoạn cuối của quá trình áp dụng pháp luật và có tác dụng đảm bảo pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất. Khi áp dụng pháp luật, VKSND có quyền ban hành những lệnh, quyết định có giá trị bắt buộc để bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là CQĐT phải tôn trọng và thực hiện. Các lệnh, quyết định này chủ yếu thể hiện ý chí đơn phương của VKSND, đối tượng áp dụng chỉ có thẩm quyền kiến nghị trực tiếp hoặc lên VKS cấp trên mà không có quyền hủy bỏ.

Thứ tư, áp dụng pháp luật trong thực hành QCT đối với các vụ án tham nhũng là hoạt động cá biệt hoá các quy phạm pháp luật của VKSND và thể hiện tính sáng tạo. Trong đó Kiểm sát viên đối chiếu với các quy định của pháp luật tham nhũng, pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật hình sự, đặc biệt là các văn bản hướng dẫn áp dụng về các tội phạm tham nhũng để ban hành các văn bản thuộc nội dung quyền công tố. Hơn nữa đây chỉ là các quy định chung, khái quát, vì vậy trong quá trình áp dụng, Kiểm sát viên cần có sự sáng tạo, đối chiếu với hành vi phạm tội cụ thể, các đặc điểm nhân thân của bị can, bị cáo cụ thể…để áp dụng một cách chính xác nhất.

1.1.3. Vai trò của áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố đối với các vụ án tham nhũng

Thứ nhất, áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với các vụ án tham nhũng đảm bảo cho việc VKSND triển khai tốt các hoạt động nhằm thực hiện chức năng, thẩm quyền được giao. VKSND là cơ quan được giao chức năng thực hành QCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Việc thực hiện hai chức năng nói trên được tiến hành chủ yếu thông qua hoạt động áp dụng pháp luật. Nói

cách khác, bằng hoạt động áp dụng pháp luật, VKSND đã cá biệt hoá các quy định pháp luật hình sự và tố tụng hình sự vào giải quyết vụ án tham nhũng và thông qua đó thực hiện được chức năng của mình theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, áp dụng pháp luật trong thực hành QCT đối với các vụ án tham nhũnggóp phần bảo vệ pháp chế XHCN, bảo đảmmọi hành vi phạm tội về tham nhũng được xử lý kịp thời, nghiêm minh trước pháp luật.

Thứ ba, áp dụng pháp luật trong thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng góp phần hoàn thiện pháp luật; kích thích tư duy pháp lý mới; tạo thói quen tuân thủ pháp luật. Thực tế cho thấy rằng, các quy phạm pháp luật nói chung và các quy phạm pháp luật đối với án tham nhũng nói riêng đều được kiểm nghiệm qua công tác thực hành QCT của VKSND, kiểm nghiệm về tính phù hợp hay không phù hợp, tính có căn cứ hay tính không có căn cứ. Cần phải có những quy định mới hay cần sửa đổi bổ sung những quy định cụ thể nào khác… mà chỉ có qua công tác thực hành QCT các vụ án hình sự về tham nhũng mới có thể phát hiện ra được. Qua công tác kiểm sát điều tra, xét xử phát hiện ra những dạng vi phạm pháp luật mới, những dạng quan hệ xã hội mới cần phải có những quy phạm pháp luật điều chỉnh kịp thời, những quy phạm đã lạc hậu, chồng chéo cần thay thế sửa đổi.

Thứ tư, áp dụng đúng các quy định của pháp luật về thực hành QCT trong vụ án tham nhũng góp phần đảm bảo quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đồng thời góp phần hướng dẫn hành vi của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng phù hợp với các quy định của pháp luật, thực hiện đúng, đầy đủ chức trách của mình được giao khi tiến hành tố tụng.

Thứ năm, quá trình cá biệt hoá các quy định pháp luật về thực hành QCT đối với các vụ án tham nhũng góp phần tuyên truyền, phổ biến pháp luật về

phòng, chống tham nhũng, xây dựng nhận thức đúng về hành vi tham nhũng, các biện pháp phòng, chống tham nhũng, hệ quả của tham nhũng….không chỉ của các đối tượng vi phạm, tội phạm tham nhũng mà còn tác động rộng lớn trong cộng đồng dân cư, các cơ quan ban ngành hữu quan trong hệ thống nhà nước.

1.2. Nội dung và trình tự áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng

Nội dung của hoạt động áp dụng pháp luật trong thực hành QCT là hoạt động thực hiện pháp luật về quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; phê chuẩn, không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; quyết định, phê chuẩn việc áp dụng, thay đổi các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân; hủy bỏ quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án, các quyết định tố tụng khác, các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân trái pháp luật trong việc giải quyết thông tin về tội phạm, khởi tố, điều tra của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra để làm rõ căn cứ quyết định việc buộc tội đối với người phạm tội; điều tra các tội phạm về tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp theo quy định của luật; quyết định việc truy tố, buộc tội bị cáo tại phiên tòa; kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp VKSND phát hiện oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội...

Cơ sở pháp lý quan trọng của hoạt động áp dụng về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng là Hiến pháp năm 2013, Bộ Luật hình sự nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018. Ngoài ra, nội dung và trình tự áp dụng pháp luật trong thực hành

QCT đối với vụ án tham nhũng dựa trên những yêu cầu công tác được quy định cụ thể trong Quyết định số 111/QĐ-VKSTC, ngày 17/4/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành quy chế công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố và Hướng dẫn số 09/HD-VKSTC, ngày 06/01/2020 về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự.

1.2.1. Nội dung và trình tự áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn khởi tố vụ án tham nhũng

Việc áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố vụ án tham nhũng chính là việc vận dụng các quy định của pháp luật hình sự, phân loại và xác định hành vi vi phạm pháp luật đã cấu thành tội phạm tham nhũng hay chưa để có thể thực hành quyền công tố chính xác.

Các hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành QCT trong giai đoạn khởi tố vụ án tham nhũng bao gồm:

- Yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can.
- Phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật.
- Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can trong các trường hợp do Bộ luật này quy định.
- Khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm; yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải

quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm.

- Phê chuẩn, không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam, bảo lĩnh, đặt tiền để bảo đảm, khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định tố tụng khác không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật này; hủy bỏ các quyết định tố tụng không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trường hợp không phê chuẩn hoặc hủy bỏ thì trong quyết định không phê chuẩn hoặc hủy bỏ phải nêu rõ lý do.

1.2.2. Nội dung và trình tự áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra và truy tố vụ án tham nhũng

Yêu cầu đặt ra trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự là phải nắm chắc tiến độ điều tra vụ án, chủ động đề ra yêu cầu điều tra chính xác để hỗ trợ điều tra viên thu thập chứng cứ làm rõ vụ án; thận trọng khi xét xử, phê chuẩn các lệnh, quyết định tố tụng; yêu cầu hoặc tự mình ra quyết định thay đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ lệnh, quyết định trái pháp luật của CQĐT. Trường hợp người bị bắt, người bị khởi tố không nhận tội hoặc tài liệu chứng cứ có mâu thuẫn, thì phải trực tiếp lấy lời khai, hỏi cung bị can trước khi phê chuẩn, bảo đảm chống oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm; thực hiện nghiêm và đầy đủ biện pháp trực tiếp kiểm sát khi Điều tra viên tiến hành các hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra, khám xét. Kiểm sát chặt chẽ và tuân thủ nghiêm túc việc hỏi cung bị can, lấy lời khai có ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh tại trụ sở Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát các cấp và các cơ sở giam giữ; tăng cường

kiểm sát chặt chẽ việc đình chỉ điều tra, kiên quyết yêu cầu hoặc trực tiếp hủy bỏ Quyết định đình chỉ không đúng pháp luật của Cơ quan điều tra.

Áp dụng pháp luật về thực hành QCT ở giai đoạn điều tra các vụ án tham nhũng bao gồm hoạt động áp dụng pháp luật về các vấn đề sau:

- Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của Bộ luật này.
- Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiền hành một số hoạt động điều tra tiến hành điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội; yêu cầu CQĐT truy nã bị can, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.
- Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn lệnh, quyết định của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiền hành một số hoạt động điều tra hoặc trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà VKSND đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục hoặc trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định việc truy tố.
- Quyết định việc gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam; quyết định chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; hủy bỏ quyết định tách, nhập vụ án.
- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc thực hành quyền công tố theo quy định của Bộ luật TTHS.

Để thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án tham nhũng, bảo đảm việc điều tra khách quan, toàn diện, đúng pháp luật khi phát hiện các quyết định tố tụng của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật thì VKSND có quyền ra quyết định huỷ bỏ các quyết định đó như: Quyết định tạm giữ; quyết định khởi tố vụ án hình sự; quyết định khởi tố bị can; quyết định về việc bảo

lĩnh; quyết định đình chỉ điều tra vụ án của CQĐT …; trường hợp bị can trốn hoặc không biết bị can đang ở đâu mà CQĐT không ra quyết định truy nã thì Viện kiểm sát phải kịp thời yêu cầu CQĐT ra quyết định truy nã bị can.

Sau khi việc điều tra kết thúc, CQĐT ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ điều tra và nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng của VKSND trong giai đoạn này mà không cơ quan nào khác có thể thay thế được là quyết định việc có truy tố bị can ra trước Toà án để xét xử hay không. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, nếu xét thấy có đủ căn cứ để truy tố bị can thì Viện kiểm sát thực hiện việc truy tố bị can ra trước Toà án bằng bản cáo trạng hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, ra quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án.

1.2.3. Nội dung và trình tự áp dụng pháp luật trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn xét xử vụ án tham nhũng

Trong quá trình thực hành QCT trong xét xử vụ án tham nhũng, việc áp dụng pháp luật được thể hiện thông qua nhiều hoạt động khác nhau của Kiểm sát viên như: kiểm sát viên nghiên cứu kỹ hồ sơ, nội dung vụ án, các chứng cứ, đối chiếu với các quy định của pháp luật để đánh giá những nội dung cần hỏi, nội dung tranh luận, đối đáp cũng như các tình huống tố tụng có thể phát sinh tại phiên tòa để vận dụng đúng các quy phạm nhằm xác định đúng bản chất vấn đề, đưa ra phương án giải quyết vụ việc. Mục đích của hoạt động áp dụng pháp luật thực hành QCT trong quá trình xét xử tuy vẫn phải thực hiện việc xem xét, đánh giá nhằm gỡ tội cho người có hành vi phạm tội nhưng thực hiện quyền buộc tội vẫn là mục đích chính của hoạt động thực hành QCT.

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với các vụ án tham nhũng đòi hỏi: (i) Kiểm sát viên nghiên cứu kỹ hồ sơ, nắm chắc nội dung của vụ án, các chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội, dự kiến các vấn đề cần hỏi, nội dung tranh luận và đối đáp, các tình huống tố tụng có thể

phát sinh tại phiên tòa; (ii) Tại phiên tòa, kiểm sát viên chủ động xét hỏi, tranh luận để làm rõ các tình tiết của vụ án, các vấn đề mới phát sinh (nếu có), xác định các nội dung liên quan để định hướng tranh luận, làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo; (iii) Sau khi kết thúc phiên tòa, kiểm sát viên tiếp tục kiểm sát chặt chẽ bản án, quyết định của Tòa án để phát hiện vi phạm pháp luật (nếu có), chú ý đối chiếu nội dung bản án và nội dung tuyên án của Hội đồng xét xử tại phòng xử án bảo đảm tính thống nhất, công khai và đúng quy định của pháp luật; kiên quyết kháng nghị hoặc đề xuất kháng nghị phúc thẩm khi có căn cứ.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với các vụ án tham nhũng đòi hỏi: (i) Lãnh đạo, Kiểm sát viên nắm chắc phạm vi, nội dung kháng cáo của người tham gia tố tụng, kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát; nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, đặc biệt là phần nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị; chuẩn bị tốt bài phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, dự kiến nội dung cần tiếp tục tranh tụng làm rõ để cập nhật vào nội dung phát biểu về kháng cáo, kháng nghị và việc giải quyết vụ án; (ii) Chú ý cập nhật, đánh giá những tình tiết mới phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm liên quan đến việc xem xét kháng cáo, kháng nghị để có quan điểm phù hợp, đúng quy định của pháp luật; tăng cường kiểm tra, xác minh làm rõ những nội dung liên quan đến kháng nghị phúc thẩm (nếu có) trước khi tham gia phiên tòa phúc thẩm; (iii) Đối với vụ án có kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp dưới, Viện kiểm sát cấp trên có thể trao đổi, làm rõ thêm về những vấn đề nêu trong kháng nghị để bảo vệ quan điểm của Viện kiểm sát hoặc thống nhất tối đa về hướng xử lý đối với kháng nghị phúc thẩm và việc giải quyết vụ án, bảo đảm tính thuyết phục, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật; (iv) Sau phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát cấp phúc thẩm cần báo cáo

ngay với Viện kiểm sát có thẩm quyền để xem xét việc kháng nghị giám đốc thẩm khi có căn cứ theo quy định của pháp luật; nếu phát hiện Viện kiểm sát cấp sơ thẩm có những thiếu sót, vi phạm trong quá trình truy tố, xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát cấp phúc thẩm cần ban hành thông báo rút kinh nghiệm kịp thời nhằm chấn chỉnh những sai sót, nâng chất lượng công tác này cho Viện kiểm sát cấp dưới.

1.2.4. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Kiểm sát viên trong áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng

Trong quá trình kiểm tra, xác minh, khởi tố, điều tra và truy tố, tài liệu của Cơ quan có thẩm quyền điều tra hoặc của Viện kiểm sát thu thập đều phải được đưa vào hồ sơ vụ án, vụ việc theo đúng trình tự tố tụng.

Kiểm sát viên kiểm sát chặt chẽ việc lập hồ sơ vụ án, vụ việc của Điều tra viên, Cán bộ điều tra, bảo đảm tài liệu trong hồ sơ phải được đóng dấu bút lục của Cơ quan có thẩm quyền điều tra, Viện kiểm sát kèm theo bản thống kê tài liệu theo quy định của pháp luật.

Khi nhận được tài liệu liên quan đến vụ án, vụ việc do Cơ quan có thẩm quyền điều tra chuyển đến, Kiểm sát viên phải kiểm tra tính hợp pháp của tài liệu đó. Trường hợp phát hiện tài liệu thu thập không đúng quy định của pháp luật hoặc không có giá trị chứng minh thì Kiểm sát viên yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều tra thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc giao, nhận, thống kê, đóng dấu và đánh số bút lục hồ sơ vụ án trong giai đoạn điều tra, truy tố được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự, các quy định khác của pháp luật và Điều 66 của Quy chế công tác thực hành QCT, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố.

Đối với những vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận quan tâm, được ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy chỉ đạo, ban Nội Chính theo dõi, chỉ đạo đôn đốc

thì lãnh đạo Viện cần chú ý lựa chọn Kiểm sát viên có năng lực, kinh nghiệm kiểm sát xét xử và kỹ năng xử lý tình huống trực tiếp tham gia phiên tòa; với những vụ án Viện kiểm sát cấp trên thực hành QCT và kiểm sát điều tra sau đó phân công Viện kiểm sát cấp dưới thực hành QCTvà kiểm sát xét xử cần thực hiện cơ chế biệt phái Kiểm sát viên của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp hoặc cùng Kiểm sát viên Viện kiểm sát cấp dưới thực hành QCTtại phiên tòa.

Viện kiểm sát cấp phúc thẩm cần ưu tiên Kiểm sát viên có năng lực, kinh nghiệm trực tiếp thụ lý giải quyết vụ án Tòa án xét xử tuyên bị cáo không phạm tội, án có kháng nghị phúc thẩm, án đã bị hủy để điều tra, xét xử lại.

1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng

1.3.1. Tính tích cực chính trị của các chủ thể trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng

Những quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng chính là sự thể chế hóa đường lối quan điểm của Đảng ta về cuộc đấu tranh gay go, phức tạp này. Tuy nhiên, khi đã có pháp luật thì việc áp dụng chúng lại phụ thuộc vào quan điểm chính trị và quyết tâm chính trị của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương. Có thể nhìn nhận yếu tố chính trị trên mấy khía cạnh sau đây:

Một là, nhận thức chính trị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Điều này có nghĩa, các nghị quyết của Đảng, văn bản pháp luật Nhà nước có được các cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp cận và lĩnh hội một cách đầy đủ, chính xác để từ đó xác định được quan điểm, mục tiêu chung trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng hay không. Hơn thế nữa, từ sự nắm bắt đó, các chủ thể này có xác định được một cách rõ ràng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình, từ đó đề ra được các phương hướng, biện pháp cụ thể trong quá trình áp dụng pháp luật phòng, chống tham nhũng hay không.

Hai là, quyết tâm chính trị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Đây là khía cạnh tư tưởng, ý chí nội tâm của các chủ thể có liên quan. Nhận thức chính trị là vấn đề quan trọng, nhưng nếu các chủ thể không có ý chí quyết tâm, coi đấu tranh phòng, chống tham nhũng là trách nhiệm cao cả, là nhiệm vụ thiêng liêng, là sứ mệnh quan trọng của mình trước Đảng, trước nhân dân thì sẽ rất khó để biến nhận thức thành hành động cụ thể.

Ba là, điều quan trọng là quyết tâm chính trị phải được biểu hiện ra bên ngoài bằng hành động chính trị, tức bằng các hoạt động thực tế của mỗi người. Vì vậy, yếu tố chính trị ảnh hưởng trực tiếp đến áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng chính là thông qua các hành động chính trị cụ thể, thiết thực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân chứ không phải qua lời nói, sự hô hào hay những chỉ thị suông. Nói cách khác, nhận thức chính trị hay quyết tâm chính trị phải được thể hiện trên thực tế thông qua các chương trình, kế hoạch, biện pháp cụ thể v.v... của các cơ quan, ban, ngành, địa phương và của chủ thể trực tiếp thực hành QCT.

1.3.2. Mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật, trước hết là pháp luật hình sự và tố tụng hình sự

Một hệ thống pháp luật tốt là cơ sở cho sự vận hành hiệu quả của toàn bộ hoạt động quyền lực. Theo nghĩa đơn giản nhất, nếu thiếu hệ thống các quy định toàn diện, đồng bộ, minh bạch và chất lượng thì mọi cố gắng nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật sẽ mất phương hướng và bị vô hiệu hóa tác động của nó đối với đối tượng áp dụng.

Khả năng tác động của pháp luật đến áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án hình sự nói chung, vụ án tham nhũng nói riêng thể hiện trước hết ở việc quy định các cơ chế, hình thức và ghi nhận các quyền năng của chủ

thể thực hành QCT. Bằng việc ghi nhận các quyền của chủ thể đã chính thức hóa, pháp lý hóa giá trị xã hội của các quyền năng, nhờ đó đã đem lại giá trị hiện thực cho các quyền năng đó. Tầm quan trọng số một của pháp luật còn thể hiện ở chỗ pháp luật chính là phương tiện tạo lập các quy trình, thủ tục bắt buộc và chặt chẽ, xác lập các hệ quả pháp lý cho toàn bộ quá trình thực hiện quyền năng của chủ thể thực hành QCT.

Mức độ tác động của hệ thống pháp luật đến áp dụng pháp luật về thực hành QCT tuỳ thuộc vào chất lượng của chính hệ thống đó. Trong đó, tính toàn diện là tiêu chuẩn cơ bản nhất, thể hiện sự định lượng pháp luật, có ý nghĩa quan trọng nhằm xác định tiêu chuẩn về định tính của hệ thống pháp luật. Tính toàn diện bao gồm sự toàn diện về cấu trúc và sự đầy đủ về nội dung liên quan đến thực hành QCT. Về cấu trúc, tính toàn diện đặt ra yêu cầu về mức độ bao phủ của pháp luật đối với các thành tố hợp thành quá trình giải quyết vụ án tham nhũng, tạo thành một chỉnh thể. Về nội dung, tính toàn diện đặt ra yêu cầu về mức độ ghi nhận đầy đủ các nguyên tắc, các quyền, nghĩa vụ và trình tự thực hiện quyền của các chủ thể áp dụng pháp luật.

Như đã nói ở trên, cơ sở pháp lý để triển khai áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng là Hiến pháp năm 2013, Bộ Luật Hình sự năm 2015, Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự năm 2015, Luật Tổ chức VKSND năm 2014, Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản pháp luật có liên quan khác.Những văn bản pháp lý nêu trên là nền tảng quan trọng để VKSND tiến hành hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với án tham nhũng đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục, đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh oan, sai trong việc xử lý đối với tội phạm hình sự nói chung, tội phạm tham nhũng nói riêng. Trong giai đoạn hiện nay, cần rà soát để hoàn thiện hệ thôgns các quy định pháp

luật này theo hướng phúc đáp các tiêu chuẩn như tính toàn diện, tính đồng bộ, tính phù hợp, tính hiệu lực, hiệu quả và trình độ kỹ thuật lập pháp cao. Bên cạnh đó các văn bản pháp luật có liên quan tới chức năng nhiệm vụ của VKSND, các văn bản chi tiết hướng dẫn thi hành pháp luật về tham nhũng cũng cần bảo đảm cụ thể, rõ ràng, đầy đủ, không chồng chéo, mâu thuẫn và kém khả thi.

1.3.3. Trình độ, năng lực, kinh nghiệm và đạo đức của Kiểm sát viên

Một trong những đặc điểm đáng chú ý của áp dụng pháp luật là tính sáng tạo. Điều này đến lượt nó tất yếu đặt ra yêu cầu về năng lực, trình độ, kinh nghiệm, đạo đức của chủ thể áp dụng pháp luật. Thậm chí, có thể xem đây là yếu tố then chốt nhất quyết định hiệu quả áp dụng pháp luật.

Chủ thể áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng là đội ngũ kiểm sát viên - những người trực tiếp được giao nhiệm vụ thực hành QCT. Sự yếu kém về trình độ hiểu biết pháp luật, thiếu kinh nghiệm trong áp dụng pháp luật cũng như thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc suy thoái về đạo đức của kiểm sát viên đều dẫn đến những sai sót trong áp dụng pháp luật, thậm chí đến những vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong quá trình áp dụng pháp luật, nhất là đối với các vụ án tham nhũng. Vì vậy, ở kiểm sát viên cần phải có những tố chất nghề nghiệp, có những tiêu chuẩn nhất định về trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, đạo đức nghề nghiệp…Đối với các vụ án tham nhũng, Kiểm sát viên tham gia giải quyết được đánh giá thông qua các tiêu chuẩn về chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức; khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao theo qui định của pháp luật và theo qui định của ngành kiểm sát. Ngoài những tiêu chuẩn chung về điều kiện trở thành Kiểm sát viên đã được pháp luật qui định thì họ còn phải có những năng lực "đặc biệt" được hình thành thông qua quá trình giao tiếp xã hội, qua học tập như nắm vững các qui định pháp luật chuyên sâu về án tham nhũng; thu nhận và xử lý thông tin để

phục vụ việc thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có khả năng phân tích, đánh giá một cách chính xác, toàn diện những tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ cho việc ra các quyết định tố tụng phù hợp với thực tiễn, có khả năng lập luận, tranh luận, lấy lời khai với những người tham gia tố tụng; kịp thời xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình tố tụng theo đúng qui định của pháp luật. Ngoài ra, Kiểm sát viên cần phải thường xuyên trau dồi đạo đức nghề nghiệp, phải đảm bảo được yếu tố khách quan, công bằng, vô tư, không vụ lợi cá nhân, có lý, có tình. Trong quá trình thực hành QCT họ phải cương quyết tôn trọng nguyên tắc này, vượt qua những tác động khách quan để đưa ra quyết định đảm bảo tính khách quan, công bằng, vô tư, đúng pháp luật.

1.3.4. Những tác động từ xã hội

Trong thời đại thông tin hiện nay, công luận và dư luận xã hội đã và đang phát huy vai trò quan trọng và to lớn của mình vào quá trình quản lý và phát triển đất nước. Các phương tiện truyền thông cùng với dư luận xã hội đã và đang trở thành một những lực lượng xung kích quan trọng phát hiện những cái mới, những cá nhân, tập thể điển hình tiên tiến và cả việc phát hiện, tấn công vào những tệ nạn của đời sống xã hội, sự khen chê của công luận và dư luận xã hội có một sức mạnh không nhỏ tác động vào tâm tư, suy nghĩ, hành động của từng cá nhân, đối với hoạt động thực hành quyền công tố, việc áp dụng pháp luật của Kiểm sát viên lại càng được công luận và dư luận xã hội quan tâm đặc biệt. Bởi vì hoạt động thực hành quyền công tố (đặc biệt là việc tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa) là diễn đàn sinh động thể hiện tính pháp chế và dân chủ để bảo vệ lợi ích của nhà nước, của tập thể và lợi ích hợp pháp của mọi công dân. Mặt khác, hoạt động thực hành quyền công tố lại góp phần quan trọng vào việc giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật. Các phương tiện thông tin đại chúng là địa

chỉ tin cậy để các đương sự, bị can, bị cáo và mọi công dân cung cấp thông tin và nhờ lên tiếng bảo vệ lợi ích của mình. Những bài báo, những loạt phóng sự điều tra... về những hành vi chạy tội, để lọt tội phạm hoặc truy cứu, xét xử không nghiêm minh của báo chí, công luận xã hội đã giúp ích rất nhiều cho các cơ quan, người tiến hành tố tụng thực hiện tốt việc điều tra, truy tố, xét xử.

Trên một phương diện khác, những tiêu cực xã hội (đặc biệt là nạn hối lộ) đã và đang tấn công vào hệ thống cơ quan nhà nước nói chung và cơ quan tư pháp nói riêng, gây ra những tác hại không nhỏ, giảm sút lòng tin của nhân dân vào đội ngũ cán bộ. Đối với Viện kiểm sát, các đường dây chạy án, môi giới hối lộ, dẫn dắt vào con đường cờ bạc, rượu chè, mại dâm... đã và đang tấn công vào đội ngũ cán bộ của ngành Tư pháp, trong đó có Kiểm sát viên. Khi Kiểm sát viên đã chấp nhận sự tiêu cực này, coi hoạt động thực hành QCT như là sự ban ơn cho đương sự để vòi vĩnh, ngã giá thì chắc chắn quyết định áp dụng pháp luật của Kiểm sát viên sẽ bị biến dạng, méo mó. Các quyết định được ban hành trong trường hợp này thực chất chỉ là hình thức, sáo rỗng để biện minh cho một nội dung đã được biết trước và đã bị làm sai lệch. Nếu tác hại của nạn hối lộ và tiêu cực trong xã hội đối với đời sống xã hội là rất nghiêm trọng thì tác hại của nó đối với hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành QCT còn nghiêm trọng hơn rất nhiều, vì nó không chỉ xâm hại các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, không chỉ làm suy giảm lòng tin của nhân dân vào cơ quan tư pháp, mà còn khiến cho công lý không được thực thi; trật tự và công bằng xã hội bị đảo lộn.

1.3.5. Cơ sở vật chất và chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, kiểm sát viên

Ngoài các yếu tố nêu trên, cơ sở vật chất của ngành KSND, điều kiện làm việc và chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, kiểm sát viên cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng áp dụng pháp luật nói chung, trong giải quyết các vụ án về tham nhũngnói riêng. Cần phải đảm bảo các yếu tố vềtrụ sở làm việc, các

phương tiện kỹ thuật, các tài liệu tham khảo, tài liệu tra cứu, máy móc; phương tiện làm việc, đi lại…phải được trang bị đầy đủ, hiện đại thì để đảm bảo Kiểm sát viên tập trung trong công việc mà không bị chi phối bởi những điều kiện khó khăn, chống lại sự tha hoá, biến chất, mua chuộc, hăng say phấn đấu nâng cao trình độ.

Tiểu kết chương 1

Theo Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013, VKSND là cơ quan THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp. VKND thực hiện chức năng của mình thông qua hoạt động áp dụng pháp luật. Đối với các tội về tham nhũng, VKSND phải áp dụng pháp luật phòng chống tham nhũng, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hình sự, pháp luật liên quan đến lĩnh vực giám định tư pháp… để thực hiện việc thay mặt nhà nước để buộc tội đối với người phạm tội với mục đích cuối cùng là đảm bảo việc chứng minh tội phạm một cách khách quan, công bằng và đúng pháp luật.

Chương 1 đã tập trung trình bầy những khía cạnh lý luận căn cốt của đề tài như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, trình tự áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng cũng như chỉ ra một số yếu tố tác động đến quá trình áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng. Kết quả của những nhận thức lý luận về các vấn đề nói trên được xem là cơ sở để phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động áp dụng pháp luật trong thực hành QCT đối với loại án tham nhũng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tại Chương 2 dưới đây.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI VỤ ÁN THAM NHŨNG TẠI TỈNH THANH HÓA

2.1. Một số yếu tố đặc thù tác động đến hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng tại tỉnh Thanh Hoá

2.1.1. Khát quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa

Thanh Hoá nằm ở cực Bắc Miền Trung, cách Thủ đô Hà Nội 150 km về phía Nam, cách Thành phố Hồ Chí Minh 1.560km. Phía Bắc giáp với ba tỉnh Sơn La, Hoà Bình và Ninh Bình, phía Nam giáp tỉnh Nghệ An, phía Tây giáp tỉnh Hủa Phăn (nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào), phía Đông là Vịnh Bắc Bộ.

Thanh Hoá nằm trong vùng ảnh hưởng của những tác động từ vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, các tỉnh Bắc Lào và vùng trọng điểm kinh tế Trung bộ, ở vị trí cửa ngõ nối liền Bắc Bộ với Trung Bộ, có hệ thống giao thông thuận lợi như: đường sắt xuyên Việt, đường Hồ Chí Minh, các quốc lộ 1A, 10, 45, 47, 217; cảng biển nước sâu Nghi Sơn và hệ thống sông ngòi thuận tiện cho lưu thông Bắc Nam, với các vùng trong tỉnh và đi quốc tế. Những năm gần đây, được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều chương trình dự án cơ sở hạ tầng nên tình hình kinh tế - xã hội ở tỉnh Thanh Hóa đã có nhiều khởi sắc. Do vậy đây cũng là nguyên nhân để bọn tội phạm tham nhũng lợi dụng tham ô tài sản, của công.

Năm năm qua (2015-2020), trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, nhưng cũng gặp không ít khó khăn, thách thức; tỉnh Thanh Hóa đã nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều thành tích, kết quả quan trọng và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; nổi bật là: (1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt 12,1%, nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có tốc độ tăng trưởng cao nhất cả nước. (2) Đã có 8 đơn vị cấp huyện, 313 xã (chiếm 65,75%) đạt chuẩn nông

thôn mới, vượt cao so với mục tiêu Đại hội; tỷ lệ đô thị hóa đạt 35; bộ mặt đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc theo hướng hiện đại, văn minh. (3) Văn hóa - xã hội đạt nhiều kết quả nổi bật: Giáo dục mũi nhọn và thể thao thành tích cao luôn đứng trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; xã hội hóa y tế được đẩy mạnh, đã ứng dụng, chuyển giao thành công nhiều kỹ thuật mới tại các bệnh viện tuyến tỉnh; tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên rõ rệt. (4) Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội luôn được bảo đảm, giữ vững ổn định, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển. (5) Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được thực hiện đồng bộ, sáng tạo, đạt nhiều kết quả; là một trong các tỉnh đi đầu trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và các đơn vị hành chính cấp xã, thôn, tổ dân phố; năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền được nâng cao; đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trong nhân dân được tăng cường. Những thành tích, kết quả đạt được trong nhiệm kỳ qua là rất lớn và có ý nghĩa quan trọng; có thể khẳng định chưa bao giờ Thanh Hóa có được tiềm lực và vị thế như ngày nay; đó là cơ sở, điều kiện để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục vững bước tiến lên, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập quốc tế. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 (tháng 10/2020) đã nhận định: "Công tác nội chính và phòng chống tham nhũng được quan tâm thực hiện, đạt kết quả tích cực. Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng chỉ đạo các cơ quan nội chính nắm chắc tình hình, chủ động giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh trên địa bàn; đẩy mạnh cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, bảo đảm đúng pháp luật, không để xảy ra án oan, hạn chế sai sót trong hoạt động tố tụng. Triển khai thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, pháp

luật Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí; rà soát, xây dựng, sửa đổi các thể chế quản lý nhà nước về kinh tế, ngân sách, đầu tư và sử dụng đất đai để phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng; yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm việc kê khai tài sản theo quy định. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi tham nhũng; rà soát, đưa một số vụ án tham nhũng phức tạp vào diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết. Trong 7 năm (2013-2020), đã khởi tố, điều tra 58 vụ, 138 bị can về tội tham nhũng, đã xét xử 41 vụ, 111 bị cáo.

2.1.2. Tình hình tham nhũng trên địa bàn tỉnh Thanh hoá

Qua thực tiễn có thể thấy tình trạng tham nhũng ở tỉnh Thanh Hóa đang tăng lên hằng năm. Tham nhũng xảy ra ở mọi lĩnh vực như: kinh tế, xã hội, khoa học, công nghê, giáo dục, y tế... Cụ thể như sau:

Bảng 1: Thống kê theo tội danh tham nhũng giai đoạn 2013-2020

Tội	Vụ án	Bị can
Tổng số án tham nhũng, trong đó:	**58**	**138**
1.Tham ô tài sản	9	14
2.Tội nhận hối lộ	2	2
3.Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản	2	11
4.Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ	32	81
5.Tội lạm quyền khi thi hành công vụ	2	8
6.Tội lợi dụng chức vụ gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi	1	1
7.Tội giả mạo trong công tác	1	1
8.Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng	9	20

9.Tội cố ý làm lộ bí mật công tác	0	0
10.Tội vô ý làm lộ bí mật công tác	0	0
11.Tội đào nhiệm	0	0
12.Tội đưa hối lộ	0	0
13.Tội mô giới hối lộ	0	0
14.Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn	0	0

(Nguồn:Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Từ bảng số liệu về tội danh tham nhũng có thể thấy, những tội phạm liên quan đến tham nhũng chủ yếu bao gồm các tội: tham ô tài sản; tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ; tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; tội nhận hối lộ và tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nhiêm trọng. Trong đó là tham ô tài sản với 9 vụ (chiếm 15.5%), 14 bị can (chiếm 10.1%), tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ với 32 vụ (chiếm 55.2%), 81 bị can (chiếm 59.1%) và tội tiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng có 9 vụ (chiếm 15.5%) với 20 bị can (chiếm 14.5%). Như vậy số vụ án về lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ là nhiều nhất và số bị can cũng nhiều nhất.

Bảng 2: Các lĩnh vực phạm tội tham nhũng giai đoạn 2013-2020

Năm	Đất đai	Tài sản công	Tài chính	Công tác cán bộ	Lĩnh vực khác
2013	4	6	1	0	2
2014	3	1	2	3	0
2015	0	1	0	0	0
2016	1	0	0	0	0
2017	0	1	0	1	0

2018	8	0	0	0	1
2019	9	4	0	0	1
2020	3	5	0	1	0
Tổng	28	18	3	2	8

(Nguồn : Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Theo bảng số liệu, tham nhũng diễn ra trong lĩnh vực đất đai là nhiều nhất với 28 vụ. Công tác cán bộ cũng diễn ra tham nhũng nhưng số lượng ít trong vòng 8 năm từ 2013-2020 chỉ diễn ra 2 vụ. Có thể thấy tham nhũng tồn tại, phát triển hằng ngày, hằng giờ, len lỏi vào mọi mặt của đời sống xã hội, cản trở sự phát triển của xã hội. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà Đảng ta cho rằng: tình trạng suy thoái về đạo đức, chính trị, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn diễn biến tiếp tục phức tạp... làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, đe dọa sự ổn định, phát triển của đất nước. Đảng ta nhấn mạnh: "Phải tiến hành một cách kiên quyết cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng trong toàn bộ hệ thống chính trị ở các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở, gắn chống tham nhũng với chống lãnh phí, quan liêu, buôn lâu, đặc biệt là các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính. Và phải xử lý nghiêm minh theo pháp luật và điều lệ Đảng những cán bộ, đảng viên, công chức ở bất cứ cấp nào, lĩnh vực nào lợi dụng chức vụ quyền hạn để tham nhũng (từ Báo cáo tóm tắt tổng kết công tác nhiệm kỳ 2016-2021).

Trong giai đoạn 2013-2020, tổng giá trị tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt là 55.382 triệu đồng. Giá trị tài sản thiệt hại hằng năm trong giai đoạn 2013-2020 có xu hướng tăng giảm thất thường. Năm 2013, giá trị tài sản trong các vụ án tham nhũngbị thiệt hại nhiều nhất với 18.108 triệu đồng (chiếm 32,7%) và năm

ít nhất là năm 2017 với số tiền thiệt hại là 173 triệu đồng (chiếm 3,1%) và đã thu hồi được hết trên thực tế (Bảng 2.4).

Bảng 3: Bảng thống kê thiệt hại về tài sản trong các vụ án tham nhũng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013-2020

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Năm	***Tổng thiệt hại***	***Đã thu hồi***
2013	18.108	5.241
2014	11.454	2.415
2015	669	49
2016	5.347	569
2017	173	173
2018	4.657	2.949
2019	9.086	6.583
2020	5.888	5.233
Tổng	**55.382**	**23.212**

(Nguồn: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

2.1.2. Tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa

VKSND tỉnh Thanh Hóa trực thuộc VKSND tối cao, được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất, lãnh đạo trong ngành; thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Trải qua chặng đường hình thành và phát triển, Viện KSND tỉnh Thanh Hoá đã có những bước tiến vượt bậc, kiện toàn về cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo điều hành, hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ và kế hoạch công tác các năm, góp phần bảo vệ pháp chế, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và

quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, sức khoẻ, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân, bảo đảm mọi hành vi xâm phạm lợi ích của nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân đều phải được xử lý theo pháp luật.

Biên chế hiện tại của VKSND tỉnh Thanh Hoá gồm 130 cán bộ, kiểm sát viên trong đó gồm 01 Viện trưởng, 02 phó Viện trưởng, 01 Kiểm sát viên cao cấp, 59 Kiểm sát viên trung cấp, 51 Kiểm sát viên sơ cấp, 05 Kiểm tra viên, 03 kế toán, 12 nhân viên hợp đồng (nhân viên bảo vệ, nhân viên tạp vụ, lái xe). Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Luật: 30 người = 21,7%, Cử nhân Luật: 120 người = 92.3%, Trình độ chính trị: Cao cấp: 31 người= 23.9%, Trung cấp: 86 người = 66.2 %. Như vậy, nhìn chung, về trình độ học vấn và chuyên môn tại VKSND tỉnh Thanh Hóa đạt tương đối cao, nhất là về tỷ lệ đã tốt nghiệp đại học. Do có quy định điều kiện bắt buộc phải qua đào tạo mới được bổ nhiệm Kiểm sát viên, Kiểm tra viên nên 100% các chức danh này đã được đào tạo nghiệp vụ kiểm sát. Cán bộ, công chức và người lao động của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đều có bản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, có tinh thần đấu tranh bảo vệ công lý.

Cơ cấu của VKSND cấp tỉnh Thanh Hoá gồm 11phòng. Toàn tỉnh có 27 VKSND cấp huyện. Ngoài ra, trong cơ cấu VKSND tỉnh còn có các tổ chức chính trị – xã hội: Công đoàn, Chi đoàn thanh niên, Tổ Nữ công, Hội Luật gia, Hội Cựu chiến binh.Nhìn chung, tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá là phù hợp, đáp ứng được những yêu cầu trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị địa phương.

Trải qua gần 61 năm xây dựng và phát triển, hoạt động của VKSND tỉnh Thanh Hóa ngày càng có những chuyển biến tích cực. Đặc biệt, trong 10 năm

trở lại đây (2011-2020), VKSND tỉnh đã có những bứt phá mạnh mẽ, toàn diện, đạt được nhiều thành tích xuất sắc nổi trội dẫn đầu cả nước, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong 10 năm qua ,VKSND tỉnh đã thụ lý giải quyết một khối lượng công việc rất lớn với 30.356 tố giác, tin báo về tội phạm; 21.595 vụ án hình sự, 40.789 vụ, việc dân sự, hành chính, kinh doanh thương mại, lao động; 219.046 việc thi hành án dân sự, hành chính (Thanh Hóa là một trong những địa phương có khối lượng công việc nhiều). Tuy nhiên, ngành kiểm sát Thanh Hóa luôn đạt và vượt các chỉ tiêu của ngành và Quốc hội đề ra. Trong đó, nổi bật là: Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm đạt 95,92% (vượt 5,92% chỉ tiêu Quốc hội đề ra, tăng 7,52% so với những năm trước); tỷ lệ tin báo quá hạn năm 2010 chiếm 17,5%, thì từ năm 2017 đến nay không còn tin vào quá hạn giải quyết (vượt chỉ tiêu 10% giảm 20% so với thời kỳ trước); tỷ lệ bắt giữ hình sự chuyển xử lý hành chính ngày càng giảm, từ 2% (năm 2010) đến năm 2020 chỉ còn 0,2%; đặc biệt, các trường hợp bắt khẩn cấp đều chuyển khởi tố hình sự, không có trường hợp nào phải trả tự do vì hành vi không có thành tội phạm; tỷ lệ giải quyết của cơ quan điều tra đạt 97,1% (vượt 17,1% chỉ tiêu, tăng 20,5% so với những năm trước); tỷ lệ giải quyết án của Viện kiểm sát đạt 99,91% (vượt 4,91% so với chỉ tiêu của ngành đề ra), trong đó truy tố đúng thời hạn, đúng tội danh đạt 100%, không để xảy ra oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Trong lĩnh vực hình sự: Số kháng nghị ngang cấp vượt chỉ tiêu 200%, tăng 500% so với những năm trước; số kháng nghị trên cấp vượt chỉ tiêu 123%; tăng 90% so với những năm trước; số kháng nghị được chấp nhận đạt 99% - vượt 29% so với chỉ tiêu của Quốc hội đề ra.

Trong lĩnh vực dân sự, hành chính: Số kháng nghị ngang cấp vượt chỉ tiêu 92,5%, tăng 90% so với thời kỳ trước; số kháng nghị trên cấp vượt chỉ tiêu 52%,

tăng 48% so với những năm trước; số kháng nghị được chấp nhận đạt 96,3% - vượt 16,3% so với chỉ tiêu của ngành, tăng 10% so với những năm trước). Qua kiểm sát, đã ban hành 3.584 kháng nghị, kiến nghị trong tất cả các khâu công tác kiểm sát…

VKSND tỉnh Thanh Hóa cũng là đơn vị có thành tích xuất sắc, nổi trội trong công tác đấu tranh chống tội phạm có tổ chức, tội phạm nguy hiểm; tội phạm kinh tế, tham nhũng, chức vụ; tội phạm ma túy; tội phạm tín dụng đen, tội phạm có tổ chức mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng; trong công tác đấu tranh chống tội phạm giết người và tội phạm "Cố ý gây thương tích". Kết quả đấu tranh, triệt phá tội phạm hoạt động tín dụng trái pháp luật, cho vay nặng lãi (vụ Nguyễn Cao Thắng) đã được Thủ tướng Chính phủ ghi nhận, đánh giá cao sự nỗ lực của cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; đồng thời, yêu cầu các cơ quan chức năng phát động phong trào đấu tranh với loại tội phạm "tín dụng đen" này trên toàn quốc.

2.2. Hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng tại tỉnh Thanh Hóa

2.2.1. Áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn tiền khởi tố, khởi tố vụ án tham nhũng

Giai đoạn tiền khởi tố, VKSND tiếp nhận, xử lý tin báo và kiến nghị của CQĐT khởi tố. Quần chúng đã cung cấp cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền số lượng tin báo tố giác tội phạm về tham nhũng rất lớn, các tin có dấu hiệu tội phạm cơ bản được chuyển sang xử lý hình sự. Theo báo cáo sơ kết từ năm 2013 - 2020 (nguồn tài liệu từ phòng Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử án kinh tế, hành chính - chức vụ), VKSND tỉnh Thanh Hóa đã thụ lý tổng số 58 tin, trong đó:

- Giải quyết: 55 tin, đạt 94,8%, trong đó khởi tố vụ án hình sự: 26 tin; không khởi tố vụ án hình sự 23 tin; tạm đình chỉ 06 tin (lý do: chờ kết quả giám định và công văn trả lời của cơ quan chức năng).

- Còn lại chưa giải quyết: 03 tin (đang trong thời hạn luật định).

Thực hiện chức năng thực hành QCT theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), VKSND các cấp đã đưa ra quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can các vụ án tham nhũng, chuyển hồ sơ yêu cầu CQĐT điều tra.

Trong giai đoạn 2013 - 2020, tại tỉnh Thanh Hóa, số vụ án tham nhũng đã khởi tố là 58 vụ, 138 bị can.

Điểm nổi bật trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn này là phê chuẩn quyết định khởi tố bị can. Toàn bộ số bị can do CQĐT khởi tố điều tra phải được chuyển đến VKSND để phê chuẩn. Viện kiểm sát nhân dân làm chức năng kiểm sát hoạt động điều tra. Trong giai đoạn 2013-2019, tại tỉnh Thanh Hóa, tổng số vụ án do VKS thụ lý là 42 vụ, 118 bị can, đạt tỷ lệ 100% (gồm VKSNDTC ủy quyền truy tố 02 vụ, 02 bị can; CQĐT cùng cấp đề nghị truy tố 40 vụ, 116 bị can).

Nhìn chung, KSV đã nắm vững các quy định của pháp luật về định tội, đối chiếu với các tài liệu, hồ sơ trong vụ án để kịp thời phát hiện những sai sót của điều tra viên hoặc yêu cầu bổ sung tài liệu để xem xét, phê chuẩn. Đồng thời với việc khởi tố vụ án, việc khởi tố bị can và phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của VKSND ngày càng bảo đảm chặt chẽ, đúng pháp luật, nên số bị can đã khởi tố phải đình chỉ điều tra vì không phạm tội chiếm tỷ lệ không đáng kể.

Không ít trường hợp CQĐT đề nghị phê chuẩn, nhưng VKSND không ra quyết định phê chuẩn vì xét thấy không đủ hoặc chưa đủ chứng cứ để phê chuẩn, tội phạm không cấu thành nên đã phát sinh tranh luận.

2.2.2. Áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án tham nhũng

Bảng 4: Bảng thống kê kiểm sát điều tra các vụ án tham nhũng củaViện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013-2020

Năm	*Kiểm sát điều tra các vụ án tham nhũng*	
	Số vụ án	***Số bị can***
2013	13	30
2014	9	24
2015	1	2
2016	1	8
2017	2	2
2018	9	23
2019	14	39
2020	9	10
Tổng	**58**	**138**

(Nguồn: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Trong đó, năm 2019, có nhiều nhất với 14 vụ án (chiếm tỷ lệ 24,1%); năm 2015 và năm 2016, có ít nhất với 01 vụ án (chiếm tỷ lệ 1,72%). Số vụ án tham nhũng giai đoạn 2013-2020 có diễn biến tăng giảm thất thường...Năm 2019, có số bị can nhiều nhất với 39 bị can (chiếm 28,3%), sau đó là năm 2013 với 30 bị can (chiếm 21,7%), tiếp theo là năm 2014 với 24 bị can (chiếm tỷ lệ 17,4 %). Năm 2015, có số bị can ít nhất là 2 (chiếm 1,5%).

Tại tỉnh Thanh Hoá,VKSND áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với bị can trong các vụ án tham nhũng rất hạn chế, chỉ thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong quá trình điều tra vụ án xác định bị can mắc bệnh hiểm nghèo. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn có những trường hợp CQĐT cho tại

ngoại, nhưng khi hồ sơ chuyển sang VKSND, xét thấy hành vi phạm tội của bị can có tính chất nguy hiểm, VKSND đã ra lệnh bắt bị can. Mặt khác, một số trường hợp CQĐT đề nghị VKSND phê chuẩn lệnh tạm giam, nhưng xét thấy hành vi phạm tội của bị can không cần thiết áp dụng biện pháp tạm giam, VKSND không phê chuẩn quyết định, lệnh tạm giam, nhưng các trường hợp này chỉ là số ít, đa số các trường hợp CQĐT đề nghị phê chuẩn, VKSND đều nghiên cứu kỹ để có quyết định đúng đắn. Các quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn đều được thực hiện đúng quy định.

Các kiểm sát viên nghiên cứu, nắm vững các quy định của pháp luật về áp dụng các biện pháp ngăn chặn, nghiên cứu kĩ các biên bản bắt người, biên bản ghi lời khai, biên bản thu giữ vật chứng,... để đánh giá toàn diện. KSV lấy lời khai người bị tạm giữ để xác định rõ nội dung trước khi phê chuẩn.

Các tội phạm về tham nhũng chủ yếu là tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng; tính chất, hành vi gây nguy hiểm lớn cho xã hội, gây hậu quả xấu về mọi mặt nên việc phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, phê chuẩn lệnh tạm giữ, phê chuẩn lệnh tạm giam của VKSND được nghiên cứu, cân nhắc hết sức thận trọng, nhưng khẩn trương và đúng theo thời gian luật định. Có thể nói các quyết định của VKSND đa số là chính xác, kịp thời, hỗ trợ tích cực trong hoạt động áp dụng các biện pháp ngăn chặn của CQĐT. Trường hợp không phê chuẩn, VKSND phải có văn bản phúc đáp nêu rõ lý do. Chính vì vậy, rất ít bị can đã được VKSND phê chuẩn tạm giam sau đó phải đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra. Số trường hợp bắt giữ hình sự sau đó chuyển sang xử lý hành chính, bắt oan, sai hầu như rất ít.

Các lệnh bắt khẩn cấp, lệnh tạm giam bị can, lệnh bắt bị can để tạm giam của CQĐT đều phải được chuyển đến VKSND để phê chuẩn, VKSND làm chức năng kiểm sát điều tra. Kiểm sát viên nắm vững các quy định của pháp luật để

định tội, đối chiếu với các hồ sơ, tài liệu để kịp thời phát hiện những thiếu sót của CQĐT hoặc yêu cầu bổ sung tài liệu để xem xét phê chuẩn. Đồng thời với việc khởi tố vụ án, việc khởi tố bị can của CQĐT, VKSND càng ngày được bảo đảm chặt chẽ, đúng pháp luật, nên số bị can đã khởi tố phải đình chỉ điều tra vì không phạm tội trong những năm gần đây chiếm tỷ lệ không đáng kể. Trên cơ sở áp dụng các quy định tại Chương IX, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và các văn bản pháp luật quy định về kiểm sát áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, VKSND các cấp đã bảo đảm việc phê chuẩn có căn cứ, phát hiện kịp thời những thiếu sót của CQĐT và yêu cầu khắc phục.

Thực hiện Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, các hoạt động: đề ra yêu cầu điều tra, yêu cầu CQĐT thay đổi điều tra viên; yêu cầu CQĐT khởi tố điều tra viên nếu hành vi của điều tra viên có dấu hiệu tội phạm; hủy bỏ các quyết định không có căn cứ, trái pháp luật của CQĐT; trực tiếp thực hiện các hoạt động điều tra, đánh giá chứng cứ, đối chất của VKSND đã có những bước tiến bộ rõ rệt: VKSND đã chú trọng nghiên cứu, xem xét hồ sơ ngay từ khi vụ án mới khởi tố để kịp thời đưa ra các yêu cầu điều tra cho từng vụ án. Thực hiện nâng cao chất lượng thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng, hầu hết các KSV đều có yêu cầu điều tra, đặc biệt trong các vụ án lớn, VKSND có nhiều yêu cầu điều tra, góp phần tích cực cho hoạt động điều tra vụ án…Phối hợp với VKSND, CQĐT đã thực hiện tốt các yêu cầu điều tra và cùng trao đổi với kiểm sát viên để bàn cách giải quyết khi phát sinh vấn đề mới.

Đối với vụ việc yêu cầu thủ trưởng CQĐT thay đổi điều tra viên theo quy định của pháp luật và khởi tố điều tra viên có dấu hiệu phạm tội chỉ xảy ra khi điều tra viên có vi phạm trong quá trình điều tra vụ án tham nhũng. Điều này từ trước đến nay rất hiếm khi xảy xa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Đối với những vụ án này, VKSND thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

VKSND hủy bỏ các quyết định không có căn cứ của CQĐT. Đối với các vụ án tham nhũng xảy ra trường hợp này là do điều tra viên không nghiên cứu kĩ hồ sơ vụ án nên ban hành các văn bản trái pháp luật. Mặt khác, khi kí các quyết định này thủ trưởng cơ quan không kiểm tra cẩn thận. Cũng có những trường hợp kiểm sát viên cẩu thả, không nghiên cứu kĩ hồ sơ không phát hiện ra những quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT. Trên thực tế, các trường hợp này đã xảy ra nhưng không nhiều, tuy nhiên nếu không được phát hiện, xử lý kịp thời sẽ dẫn đến vụ án bị sai lệch, không truy tố được tội phạm hoặc bị Tòa tuyên không tội, hủy án.

Trong quá trình kiểm sát vụ án tham nhũng, CQĐT có quyền hỏi cung, lấy lời khai bị can, người làm chứng, những người có liên quan. Qua nghiên cứu hồ sơ các vụ án tham nhũng có thấy việc lấy lời khai người làm chứng, người liên quan, hỏi cung bị can được thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tính chủ động của KSV được nâng cao. Qua thực tế các vụ án tham nhũng cho thấy bị can phạm tội này là những người có chức vụ, quyền hạn, có quen biết rộng, hiểu rõ pháp luật, họ nắm chắc nội dung, tình tiết của vụ án nên quá trình đấu tranh rất khó khăn, đòi hỏi kiểm sát viên phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, nắm chắc pháp luật, đồng thời phải hiểu rõ, nắm bắt tốt tâm lý tội phạm mới có thể thực hiện tốt quyền năng pháp lý của mình, không để bị can lái theo hướng khác, đổ tội cho đồng phạm hòng nhẹ tội. Đối với những vụ án này, trong quá trình điều tra hỏi cung bị can không nhận tội, nhưng khi kết thúc điều tra, kiểm sát viên đã dùng những chứng cứ để cảm hóa bị can, đấu tranh làm rõ những mâu thuẫn trong lời khai nên bị can đã nhận tội. Kiểm sát viên có thể trực tiếp hoặc phối hợp cùng điều tra viên tiến hành đối chất khi phát hiện mâu thuẫn trong khi lấy lời khai. Khi tiến hành đối chất, kiểm sát viên thông báo trước cho điều tra viên biết để phối hợp thực hiện có hiệu quả.

Nhìn chung, các hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đều mang tính chủ động, được tiến hành đồng thời với hoạt động điều tra của CQĐT, ngày càng tiến bộ hơn, có tác động tích cực đến kết quả điều tra trong vụ án. Điều này phần nào được thể hiện trong tổng giá trị tài sản đã thu hồi trong các vụ án tham nhũng giai đoạn 2013-2020 là 23.212 triệu đồng (Trong đó thu hồi trong giai đoạn điều tra 22.859,699 triệu đồng; thu hồi trong giai đoạn xét xử 352,301 triệu đồng). Năm 2017 đã thu hồi được hết và năm 2020 chỉ còn 655 nghìn đồng. Nhìn chung số tài sản đã thiệt hại sau khi thu hồi chỉ mới được một nửa. Cơ quan điều tra có trách nhiệm chính trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ. Tuy nhiên, VKSND cũng có vai trò quan trọng trong việc thu thập và đánh giá chứng cứ nhằm bảo đảm xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Cho tới nay, VKSND tỉnh Thanh Hoá đã giải quyết 46 vụ với 119 bị can (đạt tỷ lệ 80%). Trong đó: kết thúc điều tra đề nghị truy tố 40 vụ, 116 bị can; đình chỉ 01 vụ, 0 bị can với lý do: hành vi không cấu thành tội phạm; tạm đình chỉ 05 vụ, 03 bị can với lý do: chờ kết luận giám định.

Bảng 5: Bảng thống kê kết quả về việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2013-2019

Năm	***Quyết định về việc truy tố***	
	Số vụ án	***Số bị can***
2013	13	30
2014	9	24
2015	1	2
2016	1	8
2017	2	2
2018	7	23

2019	7	27
Tổng	**40**	**116**

(Nguồn: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

2.2.3. Áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án tham nhũng

Trong năm năm, từ năm 2013-2020 VKSND tỉnh Thanh Hóa đã chuyển các vụ án tham nhũng yêu cầu Tòa án xét xử. Đồng thời, VKSND tỉnh Thanh Hóa đã tham gia xét xử 41 vụ với 111 bị can. Còn 5 vụ án chưa đưa ra xét xử với 11 bị can.

Bảng 6: Kết quả kiểm sát xét xử sơ thẩm án tham nhũng giai đoạn 2013-2019

Năm	**TA đã xét xử**	
	Số vụ	**Số bị can**
2013	15	24
2014	9	24
2015	2	7
2016	2	9
2017	2	4
2018	6	19
2019	5	24
Tổng số	41	111

(Nguồn:Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Trong 8 năm, Viện kiểm sát cũng đã phối hợp với Tòa án tổ chức 02 phiên tòa xét xử lưu động, 5 phiên tòa rút kinh nghiệm đối với loại tội tham nhũng nhằm tuyên truyền pháp luật tại địa phương và bồi dưỡng và nâng cao kinh nghiệm, kỹ năng thực hành quyền công tố tại phiên tòa cho cán bộ,

KSV trong đơn vị. Trong các năm qua không có trường hợp nào, Viện kiểm sát truy tố mà Tòa xét xử tuyên không phạm tội. Công tác kháng nghị phúc thẩm hình sự cũng đã được quan tâm, tăng cường và có bước chuyển biến rõ nét cả về số lượng và chất lượng của kháng nghị.

Trong suốt quá trình xét xử, đại diện VKS luôn thực hiện song hành hai chức năng thực hành QCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, luôn tích cực tham gia tranh luận với bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Qua đó, chất lượng thực hành QCT và kiểm sát xét xử được nâng cao. Đặc biệt trong việc chuẩn bị tranh luận và dự thảo luận tội đã có bước chuyển biến tích cực. Chính vì có sự nghiên cứu và áp dụng Kết luận số 92 về cải cách tư pháp và tăng cường tranh tụng tại phiên tòa do đó chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên được nâng cao thông qua việc luận tội sắc sảo thấu tình, đạt lý, đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục tại phiên tòa, đồng thời kỹ năng tranh luận, khả năng hùng biện của KSV cũng được nâng cao, điều này đã góp phần không nhỏ vào kết quả của việc truy tố, làm cho chất lượng truy tố được chính xác, đúng người, đúng tội, đúng các quy định của pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, đồng thời không làm oan người vô tội.

Nhằm hạn chế sai sót, nâng cao chất lượng xét xử, trong quá trình chuyển hồ sơ truy tố sang Toà án để xét xử, Kiểm sát viên và Thẩm phán được giao đảm nhiệm vụ án chủ động trao đổi với nhau những vấn đề còn vướng mắc về mặt quan điểm, đường lối giải quyết; kiểm tra đánh giá tính chính xác trong thủ tục, trình tự hồ sơ vụ án. Những vụ án thực sự có những vướng mắc khách quan khó giải quyết hoặc có bất đồng về quan điểm thì kiểm sát viên và Thẩm phán báo cáo lãnh đạo hai cơ quan để họp bàn phương án giải quyết trên cơ sở tuân thủ

nghiêm các quy định của pháp luật. Vì vậy, tỷ lệ xét xử án luôn đạt cao (96%); không có nhiều vụ việc cần trả hồ để điều tra bổ sung cũng như không có việc Tòa án tuyên không phạm tội phải bồi thường.

2.3. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng tại tỉnh Thanh Hoá

2.3.1. Hạn chế

Thứ nhất, đối với việc áp dụng pháp luật nội dung

-Áp dụng pháp luật trong khâu giải quyết tin báo, tố giác tội phạm tham nhũng trên địa bàn tỉnh Thanh hoá còn nhiều vướng mắc. Thực tế những vụ việc tham nhũng trong thời gian vừa qua được điều tra, truy tố, xét xử chủ yếu bắt nguồn từ hoạt động nghiệp vụ của cơ quan tiến hành tố tụng hoặc từ sự mất đoàn kết nội bộ của các đối tượng tham nhũng. Theo thống kê từ Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng của Bộ Công an, chưa thấy có một cơ quan quản lý nhà nước nào thông qua công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi mình quản lý mà phát hiện tội phạm tham nhũng để chuyển cơ quan điều tra. Cũng không có cơ quan nhà nước nào tự mình kiểm tra mà phát hiện ra tội phạm tham nhũng và chuyển cho CQĐT giải quyết. Trong khi đó, chúng ta chưa có một cơ chế khuyến khích có hiệu quả việc tố cáo, tố giác hành vi tham nhũng, đặc biệt là cơ chế bảo vệ cho những người tố cáo hành vi tham nhũng. Vì vậy, người tố cáo hành vi tham nhũng thường ẩn danh. Khi hết thời hạn giải quyết tố giác tin báo về tội phạm, CQĐT có thẩm quyền không có căn cứ để tạm đình chỉ giải quyết tố giác tin báo về tội phạm và dẫn đến vụ việc không được giải quyết triệt để.

- Áp dụng pháp luật trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố vẫn có một số khó khăn do vẫn còn có sự thiếu nhất quán trong quan điểm giữa các cơ quan tố tụng, dẫn đến nguy cơ xác định chưa đầy đủ các tình tiết của vụ án, đặc biệt là

mức độ thiệt hại do hành vi tham nhũng gây ra. Từ đó, dẫn đến quyết định áp dụng pháp luật có một số sai sót về nội dung. Liên quan đến vấn đề nói trên, vướng mắc còn nằm ở khâu giám định tư pháp. Các vụ án tham nhũng gặp nhiều khó khăn thậm chí vi phạm tố tụng do chờ kết quả giám định, nhất là kết quả giám định về tài chính. Pháp luật chưa có quy định về việc trả kết quả giám định, điều này gây ảnh hưởng đến thời hạn truy tố của vụ án. Thêm vào đó, do tính chất phức tạp của vụ án tham nhũng, cần phải có những chuyên gia giỏi nên rất tốn kinh phí.., kết quả giám định còn chung chung, không rõ ràng, gây khó khăn lớn cho quá trình áp dụng pháp luật khi thực hành QCT. Thậm chí đã xảy ra hiện tượng chạy kết quả giám định, hệ quả dẫn đến vi phạm tính khách quan của quyết định áp dụng pháp luật về thực hành QCT.

- Trong giai đoạn xét xử, một số kiểm sát viên chưa chuẩn bị kỹ bản luận tội, kỹ năng lựa chọn quy phạm để áp dụng và tranh tụng chưa tốt. Trong một số trường hợp, kiểm sát viên chưa thực sự nắm chắc nội dung của vụ án, các chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội, dự kiến các vấn đề cần hỏi, nội dung tranh luận và đối đáp, các tình huống tố tụng có thể phát sinh tại phiên tòa.Thông thường, tội phạm tham nhũng có hiểu biết pháp luật tốt và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao nhưng cố tình vi phạm pháp luật, vì vậy bản thân họ có nhiều thủ đoạn để yêu cầu thay đổi tội danh hoặc khung hình phạt, thậm chí chối tội.Hơn nữa, khi vụ án được đưa ra xét xử, bị can bị cáo thường nhờ đến sự bào chữa của các luật sư có nghiệp vụ giỏi, có kinh nghiệm tranh tụng. Trong bối cảnh đó, thực hành QCT trong một số vụ án tham nhũng đã bộc lộ lỗ hổng của hoạt động áp dụng pháp luật, tuy chưa gây hậu quả nghiêm trọng nhưng tạo ra khó khăn, lúng túng của cơ quan công tố và cơ quan xét xử.

Thứ hai, đối với việc áp dụng pháp luật hình thức

- Việc áp dụng Quy chế công tác thực hành quyền công tố (Quy chế 111) chưa thực sự đầy đủ, triệt để, thậm chí bỏ qua hoặc thực hiện hời hợt một số thủ tục. Còn có hiện tượng cán bộ, kiểm sát viên được phân công thụ lý kiểm sát điều tra án tham nhũng nhưng đã thụ động, tuy tiến hành các thủ tục ban đầu như: đề xuất phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, lệnh tạm giam, bắt tạm giam, làm văn bản yêu cầu điều tra nhưng nhưng sau đó "phó mặc" cho Điều tra viên tiến hành điều tra, không kịp thời đôn đốc CQĐT, thậm chí nắm tiến độ điều tra một cách đại khái, không bám sát nội dung hồ sơ dẫn đến việc một số mâu thuẫn, sai sót trong hồ sơ được phát hiện muộn và phải trả hồ sơ điều tra bổ sung.

- Trong thực hành QCT đối với các vụ án tham nhũng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, một số kiểm sát viên vẫn nể nang, chưa thực sự kiên quyết trong việc yêu cầu Điều tra viên thực hiện đầy đủ các yếu tố thành phần trong mẫu biểu của quyết định khởi tố bị can. Mặc dù đây là sai sót về hình thức của hoạt động áp dụng pháp luật, tưởng chừng như không quan trọng nhưng trên thực tế đã gây khó khăn cho việc tự bào chữa của bị can, cũng làm cho bản thân Kiểm sát viên khó phát hiện được việc khởi tố oan, sai.

- Như đã nói ở trên, việc giám định tư pháp đối với vụ án tham nhũng thường phức tạp, cần nhiều thời gian. Tuy nhiên, cũng có vụ án tham nhũng kéo dài vì lý do cơ quan giám định không tuân thủ đúng thời gian luật định. Trong trường hợp đó, Kiểm sát viên và Điều tra viên cũng chưa mạnh dạn trong việc vận dụng quy định của pháp luật về thời hạn mà cơ quan giám định phải giao biên bản và kết quả giám định. Ngoài ra, Kiểm sát viên cũng chưa chủ động đề xuất kịp thời các yêu cầu giám định đối với CQĐT hoặc đối với người giám định. Nhiều trường hợp, những nội dung yêu cầu trong quyết định trưng cầu

giám định của CQĐT không cụ thể, rõ ràng đẫn đến việc giám định không sát với sự việc, không phục vụ cho yêu cầu điều tra tội phạm và người phạm tội.

Thứ ba, công tác phối hợp giữa các đơn vị trong mỗi cấp, giữa các cấp, giữa cơ quan thực hành QCT và các cơ quan tố tụng khác đôi lúc thiếu nhịp nhàng, chưa thực sự hiệu quả.

Ở cùng một đơn vị Viện Kiểm sát, vẫn còn tình trạng giữa các bộ phận nghiệp vụ chưa thông tin kịp thời, ví dụ: qua kiểm sát tạm giữ, tạm giam, có trường hợp phát hiện sai sót trong lệnh, quyết định của CQĐT hoặc của VKSND nhưng bỏ qua, không thông tin cho bộ phận nghiệp vụ. Giữa VKSND cấp tỉnh và VKSND cấp huyện cũng bộc lộ sự phối hợp chưa chặt, chưa kịp thời, ví dụ: việc sao gửi bản cáo trạng của VKSND cấp huyện chậm, làm ảnh hưởng đến hoạt động kiểm tra của các phòng nghiệp vụ, trong khi đó, đôi khi kết quả xét xử phúc thẩm cũng không được thông báo kịp thời để VKSND cấp huyện nắm bắt và rút kinh nghiệm.

Giữa các cơ quan tố tụng cũng như giữa các cơ quan tố tụng với các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc phát hiện, xử lý tội phạm tham nhũng vẫn còn thiếu sự gắn kết, chưa phúc đáp đầy đủ yêu cầu của cải cách tư pháp, chẳng hạn: số lượng tin báo, tố giác do các ngành cung cấp cho CQĐT và VKSND về hành vi tham nhũng thường rất ít, phản ánh không đúng tình trạng tham nhũng đang diễn ra trên địa bàn. Trong hoạt động tố tụng, vẫn còn trường hợp không nhất trí về quan điểm áp dụng pháp luật giữa VKDND và các cơ quan tố tụng dẫn đến tranh luận nhưng không đạt được sự thống nhấtvà có xuất phát điểm là do sai sót của hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành QCT.

2.3.2. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, do tính chất đặc thù của các vụ án tham nhũng.Phần lớn những vụ án tham nhũng là những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, quy mô rất lớn, phức

tạp, đối tượng phạm tội có trình độ cao nên việc áp dụng pháp luật về thực hành QCT trong giải quyết vụ án thường gặp nhiều khó khăn. Hành vi phạm tội trong các vụ án tham nhũng có tính khép kín và được che đậy tinh vi, khó phát hiện. Nhiều vụ án đông người tham gia, có sự bàn bạc, tính toán, hành vi phạm tội kéo dài, liên quan đến nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành, nhất là tội phạm trong lĩnh vực đất đai, tài chính, ngân hàng, đầu tư xây dựng cơ bản. Xuất phát từ đặc điểm đó của vụ án hình sự có tội danh tham nhũng, nguồn chứng cứ và những thông tin phản ánh về hành vi phạm tội cũng như người thực hiện tội phạm rất hạn chế. Sự việc phạm tội thường diễn ra trong khoảng thời gian và không gian hẹp, không có sự chứng kiến mà chủ yếu chỉ có người thực hiện hành vi phạm tội là biết rõ sự việc. Chủ thể của tội tham nhũng là những người có chức vụ, quyền hạn nên họ có khả năng xóa dấu vết, tẩu tán tài sản và can thiệp vào quá trình đầu tranh xử lý. Bên cạnh đó còn có sự thiếu tích cực, hợp tác của nhân chứng và đối tượng bị thiệt hại trong vụ án tham nhũng. Trên thực tế, nhiều người dân hiện vẫn rất e ngại, không muốn, không dám tham gia đấu tranh chống tham nhũng vì cảm giác bị cô lập, bị trù dập, đơn độc trong cuộc chiến của mình. Không chỉ người dân, cán bộ làm việc trong cơ quan nhà nước lại càng không dám đấu tranh vì sợ bị trù dập, sợ mất chức mất quyền. Cơ quan, tổ chức của đối tượng phạm tội cũng sợ ảnh hưởng đến thành tích chung, sợ trách nhiệm nên không tố cáo, không thừa nhận thiệt hại. Vì vậy, trong các vụ án này, việc xác định đúng chủ thể, hành vi, mức độ lỗi, hậu quả, khách thể bị xâm hại… để từ đó lựa chọn đúng quy phạm nội dung để áp dụng hoàn toàn không phải là vấn đề đơn giản. Đó là chưa kể đến khối lượng bút lục mà Kiểm sát viên phải nghiên cứu lớn, phức tạp nên thời gian nghiên cứu phải kéo dài, nhiều vụ phải gia hạn thời gian truy tốlàm ảnh hưởng đến tiến độ xử lý vụ án.

Thứ hai, hệ thống quy định pháp luật liên quan đến giải quyết vụ án tham nhũng còn nhiều điểm chưa hoàn thiện.

- Như đã nói ở trên, hiện chúng ta chưa có cơ chế hữu hiệu để bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng. Tại Điều 67 Luật phòng chống tham nhũng về bảo vệ người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng đã quy định:

1. Việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.
2. Người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng được áp dụng các biện pháp bảo vệ như bảo vệ người tố cáo.

Khoản 2 Điều 8 Luật PCTN quy định nghiêm cấm các hành vi "đe doạ, trả thù, trù dập người phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng". Tuy nhiên, luật lại không quy định cụ thể cơ chế xử lí đối với các hành vi vi phạm thuộc loại này. Mặt khác, luật cũng không quy định cụ thể trách nhiệm trong việc bảo vệ cũng như đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức đã tố cáo hành vi tham nhũng của thủ trưởng mình. Nghị định số 107/ 2006/ NĐ - CP quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách. Quy định này tuy làm tăng trách nhiệm của người đứng đầu trong đấu tranh phòng chống tham nhũng nhưng lại tạo tâm lý muốn che giấu, giải quyết nội bộ tham nhũng vì những vụ tham nhũng trong cơ quan nếu bị xử lý thì người đứng đầu cũng phải chịu trách nhiệm và bị xử lý tùy theo tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi tham nhũng.

- Một số quy định của pháp luật hình sự chưa cụ thể, còn tùy nghi, không mang tính bắt buộc, nhất là ở giai đoạn tiền khởi tố các vụ án kinh tế, tham nhũng. Trong Bộ luật tố tụng hình sự tại khoản 3 Điều 128 (Kê biên tài sản) và

khoản 3 Điều 129 (Phong tỏa tài khoản) quy định chỉ kê biên tài sản hoặc phong tỏa tài khoản tương ứng với mức có thể bị phạt tiền, bị tịch thu hoặc phải bồi thường thiệt hại. Những quy định này nhằm mục đích tránh sự tùy tiện và lạm dụng, yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng phải kê biên tài sản, phong tỏa tài sản nhanh chóng và đúng luật. Tuy nhiên, tài sản bị thiệt hại trong giai đoạn điều tra ban đầu có thể xác định là chưa chính xác nên việc kê biên tài sản hoặc phong tỏa tài khoản gặp nhiều khó khăn trong khi mức tương ứng của tài sản kê biên, phong tỏa chỉ có thể biết được sau khi Tòa án tuyên án. Đây là nguyên nhân dẫn việc kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản và thu hồi tài sản còn hạn chế.

- Quy định tại Điều 159 Bộ luật Tố tụng hình sự chưa bao quát được hết các trường hợp liên quan đến giám định tư pháp. Theo quy định tại Điều 159 thì: Việc giám định bổ sung được tiến hành trong trường hợp nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc khi phát sinh những vấn đề mới liên quan đến những tình tiết của vụ án đã được kết luận trước đó và việc giám định lại được tiến hành khi có nghi ngờ về kết quả giám định hoặc có mâu thuẫn trong các kết luận giám định về cùng một vấn đề cần giám định". Trong thực tiễn, có một số vụ án tham nhũng có yêu cầu của các bên cần giám định lại nhưng pháp luật tố tụng hình sự chưa quy định rõ viêc giám định lại được thực hiện mấy lần, khi kết quả giám định có mâu thuẫn nhau thì kết quả giám định nào là khách quan. Chính vì vậy, đã dẫn đến sự tùy tiện trong viêc trưng cầu giám định lại của các cơ quan tiến hành tố tụng và khi các kết quả giám định có mâu thuẫn, thậm chí có trường hợp kết quả giám định có mâu thuẫn rất cơ bản và cách biệt nhau. CQĐT và VKSND sẽ gặp lúng tung trong việc căn cứ vào kết quả giám định nào để để áp dụng biện pháp tố tụng hình sự tiếp theo.

- Đánh giá chứng cứ trong vụ án tham nhũng hiện nay đang là vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau. Thực tế chưa có quy định cụ thể để đánh giá chứng cứ

một vụ án là vững chắc, chưa vững chắc hay chứng cứ yếu mà trong quá trình kiểm sát điều tra, kiểm sát viên phải tự hệ thống, tổng hợp các chứng cứ buộc tội, các chứng cứ gỡ tội, sau đó đối chiếu với các văn bản hướng dẫn để tự đánh giá.

- Việc kê khai tài sản là một trong những chứng cứ trong cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng, nhưng hiện nay chưa có cơ chế đủ mạnh để kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, việc thanh toán tiền mặt còn phổ biến, còn có tình trạng kê khai không trung thực, lý giải nguồn gốc tăng thêm trong một số trường hợp còn chưa hợp lý, chưa chú trọng việc thanh kiểm tra việc kê khai tài sản nên việc xác định tài sản, thu nhập của người phạm tội rất khó khăn ảnh hưởng đến việc thu hồi tài sản sau này.
- Một hiện tượng cũng đáng chú ý là vẫn tồn tại một số văn bản của các ngành trái với quy định của Luật Tố tụng hình sự , cụ thể như: Ngân hàng Nhà nước quy định chỉ khi có Quyết định khởi tố vụ án hình sự thì mới cung cấp tài liệu cho CQĐT (điểm d, 2.2,mục 2, phần II của Thông tư số 08/ VBHN - NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện Nghị định số 70/2000 /NĐ - CP ngày 2/11/2000 của Chính phủ về việc giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng) hoặc đối với những vụ tham nhũng được tố cáo cho báo chí, Luật bảo chí quy định "Báo chí có quyền và nghĩa vụ không tiết lộ tên người cung cấp thông tin nếu có hại cho người đó, trừ trường hợp có yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân hoặc Chánh án Toà án nhân dân cấp tỉnh và tương đương trở lên cần thiết cho việc điều tra, truy tố, xét xử tội phạm nghiêm trọng " (Luật báo chỉ 1989, được sửa đổi bổ sung năm 1999) ... Những quy định này đã gây không ít khó khăn cho công tác phát hiện tội phạm tham nhũng cũng như việc thu thập tài liệu phục vụ cho khởi tố vụ án hình sự.

- Ngoài ra, việc hướng dẫn, giải thích luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như việc ban hành các văn bản hướng dẫn của các cơ quan tư pháp Trung ương còn chậm, không kịp thời, làm cho việc nhận thức và áp dụng pháp luật hình sự trong thực tiễn còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thống nhất. Hoạt động hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cũng chưa được quan tâm đúng mức, vừa thiếu vừa không đồng bộ, lại thiếu thống nhất nên gây ra những khó khăn trong nhận thức và áp dụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán. Từ đó, dẫn đến việc nhận định, đánh giá chứng cứ của mỗi ngành khác nhau về cùng một vụ việc xảy ra, nên hạn chế rất nhiều trong thực hành QCT và kiểm sát điều tra.

Thứ ba, mặc dù đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên làm công tác thực hành QCT tại VKSND tỉnh Thanh Hoá đã được tăng cường về số lượng và chất lượng, có trình độ chuyên môn và trình độ chính trị tốt, có năng lực, có bản lĩnh vững vàng và trách nhiệm công vụ cao nhưng vẫn chưa đáp ứng tốt yêu cầu thực hành QCT đối với các vụ án tham nhũng. Một số trường hợp bị động, lúng túng trước tính phức tạp của vụ án, trước áp lực của một số tổ chức hoặc cá nhân, trước đối tượng tội phạm là những người có chức vụ, quyền hạn, có trình độ chuyên môn cao, kiến thức xã hội rộng, có nhiều mối quan hệ, có nhiều thủ đoạn để che đậy hành vi phạm tội.Việc tranh luận tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án không ít trường hợp lập luận chưa chặt chẽ, thiếu sức thuyết phục do không chỉ ra được các chứng cứ chứng minh hoặc không viện dẫn được các quy định pháp luật cần thiết làm căn cứ để bảo vệ quan điểm của mình. Có trường hợp Kiểm sát viên trình bày nguyên văn dự thảo cáo trạng, luận tội đã chuẩn bị trước mà không có sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với diễn biến của phiên tòa và các chứng cứ, tài liệu mới được bổ sung, dẫn đến việc thụ động trong việc trình bày tại phiên tòa.

Thứ tư, việc truy tố các vụ án tham nhũng phải chấp hành nghiêm chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và lại phải xin ý kiến giải quyết của nhiều cấp, nhiều ngành; có những vụ án việc giải quyết vụ án chứa đựng các yếu tố chính trị, kinh tế, ngoại giao ... do vậy cũng tạo nên áp lực lớn cho các cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình áp dụng pháp luật.

Tiểu kết chương 2

Trên cơ sở phân tích đặc điểm địa phương, tổ chức và hoạt động của VKSND tỉnh Thanh Hóa, tình hình tham nhũng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, chương 2 đã tập trung đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với các vụ án tham nhũng tại tỉnh Thanh Hoá. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bên cạnh những thành công đáng khích lệ thì vẫn còn nhiều vướng mắc, hạn chế trong công tác áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với các vụ án tham nhũng đang làm ảnh hưởng đến hoạt động xử lý vụ án tham nhũng nói riêng, vụ án hình sự nói chung trên địa bàn tỉnh. Những vướng mắc, hạn chế đó có nhiều nguyên nhân, trong đó đáng chú ý là do tính phức tạp của vụ án tham nhũng, tình trạng chưa hoàn thiện của hệ thống pháp luật, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng công tác chưa cao của đội ngũ kiểm sát viên, sự phối hợp chưa tốt giữa các cơ quan hữu quan. Việc chỉ ra các hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong công tác áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với các vụ án tham nhũng tại tỉnh Thanh Hoá là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định các giải pháp tại Chương 3 nhằm bảo đảm áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với các vụ án tham nhũng từ thực tiễn tỉnh Thanh Hóa.

CHƯƠNG 3
QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI VỤ ÁN THAM NHŨNG TỪ THỰC TIỄN TỈNH THANH HÓA

3.1. Quan điểm bảo đảm áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố từ thực tiễn tỉnh Thanh Hoá

3.1.1. Áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng phải nhằm hiện thực hoáquyết tâm chính trị cao độ của toàn Đảng, toàn dân ta trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng

Tình trạng tham nhũng đang là một vấn đề thực sự nhức nhối, không chỉ còn là vấn đề kinh tế-xã hội mà đang trở thành vấn đề chính trị sống còn của chế độ xã hội. Đối với nước ta, tệ nạn tham nhũng đang là nguy cơ gây mất ổn định về kinh tế - xã hội và chính trị, là một nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ.

Chính vì vậy, đấu tranh phòng, chống tham nhũng đã và đang được toàn Đảng, toàn dân ta quan tâm, luôn được thể hiện trong Văn kiện các Đại hội của Đảng. Gần đây nhất, Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng (từ ngày 25/1 đến 1/2/2021) đã nhấn mạnh: "Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ, triệt để hơn, hiệu quả hơn. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng, lãng phí; không có vùng cấm, không có ngoại lệ; lấy phòng ngừa là chính. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự".

Trong những năm vừa qua, nhân dân, báo chí và các cơ quan bảo vệ pháp luật đã góp phần đắc lực, đã phát hiện, điều tra và đưa ra xét xử hàng nghìn vụ án, thu hồi hàng nghìn tỷ đồng và nhiều tài sản bất hợp pháp. Mặc dù đau lòng nhưng đã xử lý hình sự, kỷ luật, buộc thôi việc hàng vạn cán bộ, công nhân viên Nhà nước, trong đó có cả lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước. Song, tệ nạn tham nhũng vẫn tiếp tục phát triển và diễn ra dưới nhiều hình thức với các thủ đoạn ngày càng tinh vi hơn, móc nối chằng chịt hơn. Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: "Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí ở một số địa phương, bộ, ngành chưa có chuyển biến rõ rệt; công tác phòng ngừa tham nhũng ở một số nơi còn hình thức. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí vẫn còn hạn chế, tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý tham nhũng, lãng phí trong nội bộ, cơ quan, đơn vị còn yếu; tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực trong khu vực hành chính, dịch vụ công chưa được đẩy lùi. Tham nhũng, lãng phí trên một số lĩnh vực, địa bàn vẫn còn nghiêm trọng, phức tạp, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội. Tham nhũng vẫn là một trong những nguy cơ đe doạ sự tồn vong của Đảng và chế độ ta". Vì vậy, đấu tranh phòng, chống tham nhũng đang là nhiệm vụ cấp bách và cũng là nhiệm vụ lâu dài, thường xuyên và liên tục của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta và là nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan bảo vệ pháp luật, góp phần thiết lập trật tự, kỷ cương xã hội, khôi phục lòng tin, uy tín của Đảng và Nhà nước đối với nhân dân.

Trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, các quy phạm pháp luật hình sự có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ tài sản của nhà nước, tập thể, tài sản và quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Thông qua chính sách pháp luật hình sự quy định về tội phạm về tham nhũng, đã tạo ra hành lang pháp lý cho cuộcđấu tranh phòng, chống tham nhũng và có tác động đến tâm lý, nhận thức của mọi người dân, nhất là những người có chức vụ, quyền hạn. Pháp luật

hình sự còn có vai trò là công cụ thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật phòng, chống tham nhũng. Thông qua việc thực thi các quy định pháp luật trên thực tế mà Đảng và Nhà nước sửa đổi, hoàn thiện pháp luật cho phù hợp với thực tế công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tham nhũng.

Trong bối cảnh đó, áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng phải được triển khai đầy đủ, quyết liệt, góp phần thực hiện quyết tâm chính trị của toàn Đảng, toàn Dân ta.

3.1.2. Áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng phải phù hợp với các yêu cầu của cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay

Cải cách tư pháp là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, được Đảng và Nhà nước quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Ngày 02/01/2002, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về " Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới", trong đó đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo và các nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp. Tiếp đó, ngày 02/6/2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020", trong đó xác định rõ mục tiêu, quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ cải cách tư pháp. Nghị quyết số 08- NQ/TW của Bộ Chính trị xác định: Viện kiểm sát các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp; tăng cường công tác kiểm sát việc bắt, giam, giữ; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan, sai trong bắt giữ. Theo đó, hoạt động công tố phải thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội; nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên toà. Nghị quyết số 49- NQ/TW của Bộ Chính trị tiếp tục khẳng định "Trước mắt, Viện kiểm sát nhân

dân giữ nguyên chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp…". Sơ kết quá trình thực hiện cải cách tư pháp theo Nghị quyết 08-NQ/TW và Nghị quyết 49-NQ/TW, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận 79-KL/TW, ngày 28/7/2010 về đổi mới tổ chức và hoạt động của TAND, VKSND và CQĐT, trong đó khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp như hiện nay". Đồng thời, Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị tiếp tục yêu cầu VKSND tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên toà xét xử.

Đáp ứng yêu cầu nói trên đã đặt ra cho hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng nói riêng, vụ án hình sự nói chung nhiệm vụ triển khai nghiêm túc, đảm bảo công tác thực hành QCT của VKSND phải được thực hiện hiệu quả, khiến cho mọi hành vi phạm tội và người phạm tội được phát hiện kịp thời, đầy đủ, xử lý nghiêm minh, có căn cứ và đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, đồng thời, không để làm oan người vô tội.

3.1.3. Áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng phải chú ý đảm bảo lợi ích của nhà nước, sự ổn định chính trị-xã hội tại địa phương, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân

Tội phạm về tham nhũng thường rất phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều cá nhân, một số vụ án về tội phạm tham nhũng còn liên quan đến những người có chức vụ, quyền hạn cao trong các cơ quan, tổ chức. Việc giải quyết các vụ án về tội phạm tham nhũng có tác động không nhỏ đến hoạt động, tâm lý của cán bộ, công chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức có liên quan, ảnh hưởng đến dư luận xã hội, phản ứng của người dân. Vì vậy, hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành QCT các vụ án

tham nhũng của VKSND phải được tiến hành khẩn trương, tích cực, chính xác nhưng cần phải hết sức thận trọng, khéo léo phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo sự ổn định chính trị-xã hội của địa phương, tránh gây xáo trộn, gián đoạn cho hoạt động của các cơ quan, tổ chức có liên quan, gây tâm lý hoang mang cho cán bộ, công chức, người lao động và gây dư luận xấu trong xã hội.

Vụ án tham nhũng luôn gây ra thiệt hại vật chất to lớn, ảnh hưởng đến lợi ích của nhà nước và công dân. Quá trình áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng cần triển khai theo hướng xử lý tốt nhất khối tài sản bị chiếm đoạt, thu hồi tài sản của nhà nước và công dân, khôi phục lại trật tự xã hội đã bị xâm hại.

3.1.4. Áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng phải đảm bảo chính xác, kịp thời, nghiêm minh

Tính nghiêm minh và hiệu quả của pháp luật tuỳ thuộc vào sự chính xác, kịp thời của quá trình áp dụng pháp luật. Các quy định pháp luật về thực hành QCT sẽ chỉ là các quy định " chết" nếu không nhờ hoạt động áp dụng pháp luật để được hiện thực hoá trong đời sống.

Khi thực hiện nhiệm vụ, VKS mà trực tiếp là kiểm sát viên phải tiến hành đầy đủ, chính xác, khách quan, theo đúng trình tự, thủ tục, nội dung được pháp luật quy định. Nhằm đảm bảo cho mọi hành vi phạm tội đều được xử lý kịp thời, việc khởi tố, điều tra, truy tố được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội. Đối với tội phạm tham nhũng, do tính chất phức tạp, tinh vi của loại tội phạm này mà vai trò của VKS cần được đề cao, tiến hành tố tụng bằng thái độ nghiêm túc trong toàn bộ quá trình mới có thể đảm bảo được yêu cầu và mục đích của hoạt động THQCT.

Như vậy, việc tham gia của VKSND ngay từ thời điểm bắt đầu xuất hiện dấu hiệu của tội phạm tham nhũng cho đến khi kết thúc quá trình tố tụng điều tra, xét xử là vấn đề có tính nguyên tắc. Nếu không, rất có thể tội phạm sẽ bị bỏ lọt, tin báo, tố giác sẽ không được xử lý nghiêm minh ngay từ thời điểm khởi đầu để quyết định phát động hay không phát động quyền công tố như trong toàn bộ quá trình điều tra, xét xử vụ án.

3.2. Giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng từ thực tiễn tỉnh Thanh Hoá

3.2.1. Nhóm giải pháp chung

3.2.1.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về thực hành quyền công tố đối với các vụ án hình sự nói chung, vụ án tham nhũng nói riêng

Thứ nhất, hoàn thiện một số quy định pháp luật về tổ chức, hoạt động, các mối quan hệ của cơ quan thực hành quyền công tố.

Trước mắt, cần nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự theo hướng tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra vụ án hình sự, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của VKSND trong điều tra, truy tố vụ án hình sự nói chung và vụ án tham nhũng nói riêng.

Cần rà soát để bảo đảm sự đồng bộ giữa các văn bản pháp luật, đặc biệt là giữa các quy định của Bộ luật TTHS và các văn bản pháp luật chuyên ngành. Chế định trong các luật phải hỗ trợ lẫn nhau, phù hợp với chức năng tố tụng của từng cơ quan thực hiện mục tiêu cải cách tư pháp. Việc cải cách tư pháp đối với VKSND phải gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính tư pháp và phải được thực hiện thống nhất, đồng bộ với cải cách tư pháp của Cơ quan điều tra, Tòa án. Chú trọng hoàn thiện tổ chức và hoạt động của các cơ quan bổ trợ tư pháp. Bổ sung

theo hướng cụ thể hoá các quy định về giám sát đối với các hoạt động tư pháp hình sự.

Thứ hai, hoàn thiện một số quy định pháp luật hình sự.

Nghiên cứu để quy định cụ thể hơn một số loại tội phạm tham nhũng, nhất là loại tội tham nhũng mới xuất hiện trong bối cảnh phát triển công nghệ cao.

Tiếp tục nghiên cứu làm rõ và phân loại mức độ nghiêm trọng của hành vi tham nhũng để hoàn thiện các quy định về khung hình phạt đối với loại tội tham nhũng theo hướng cá thể hoá trách nhiệm hình sự.

Hoàn thiện cơ chế bảo vệ người tố cáo theo hướng bổ sung quy định cụ thể về tội danh và hình phạt cho hành vi trù dập, gây tổn hại về vật chất và tinh thần của người tố cáo hành vi tham nhũng. Bên cạnh đó, mặc dù Hiến pháp 2013 đãHiến định "quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân. Nhà nước bảo đảm các quyền của công dân; công dân phải làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và xã hội", nhưng nghĩa vụ của người bị hại trong việc đấu tranh chống tội phạm tham nhũng lại chưa được quy định tương xứng. Đây cũng là vấn đề cần được bổ sung trong quá trình hoàn thiện cơ chế bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng.

Thứ ba, hoàn thiện một số quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Cần nghiên cứu sửa đổi quy định về khởi tố theo yêu cầu của người bị hại để đảm bảo những trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại chỉ trong giới hạn nhà nước và xã hội chấp nhận để mọi hành vi phạm tội đều được xử lý kịp thời; việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm, người phạm tội và không làm oan người vô tội.

Cần sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về giám định tư pháp theo hướng giới hạn rõ ràng phạm vi thẩm quyền của cơ quan giám định, trách nhiệm

đảm bảo về thời gian của hoạt động giám định và khắc phục các hành vi tiêu cực trong hoạt động giám định. Luật Giám định tư pháp số 44/VBHN-VPQH ngày 10 /12 /2018 của Văn phòng Quốc hội, mặc dù đã có chế tài quy định tại Điều 6 "Các hành vi bị nghiêm cấm" đối với giám định viên tư pháp. Tuy nhiên, quy định này chỉ áp dụng với lỗi cố ý đưa ra kết luận sai, còn lỗi vô ý đưa ra kết luận sai (lỗi do cẩu thả, tự tin thái quá..), do trình độ chuyên môn thấp, không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì luật không đề cập. Vì vậy, cần bổ sung quy chế ràng buộc vai trò, trách nhiệm, đối với giám định viên một cách cụ thể hơn, vì giám định viên là người được đào tạo, có chuyên môn trong lĩnh vực có liên quan, kết quả giám định chính là nguồn chứng cứ quan trọng để cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng, giải quyết đúng đắn vụ án. Ngoài ra, VKSND tối cao cần phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, các ngành hữu quan hướng dẫn áp dụng các quy định pháp luật về trưng cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong ngành Tòa án và ngành Kiểm sát.

Như đã nói ở trên, một số quy định của pháp luật liên quan đến giai đoạn tiền khởi tố các vụ án kinh tế, tham nhũng đã khiến cho việc kê biên tài sản hoặc phong tỏa tài khoản gặp nhiều khó khăn trong khi mức tương ứng của tài sản kê biên, phong tỏa chỉ có thể biết được sau khi Tòa án tuyên án. Vì vậy, rất cần hoàn thiện các quy định liên quan đến kê khai tài sản, kê biên và phong toả tài sản theo hướng cụ thể, minh bạch, mang tính bắt buộc, khắc phục sự tuỳ nghi hiện nay.

3.2.1.2. Xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả áp dụng pháp luật về thực hành quyền công tố của kiểm sát viên đối với vụ án tham nhũng

Hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án tham nhũng có tốt hay không phụ thuộc vào kết quả thực hiện hoạt động này của kiểm

sát viên trong mỗi vụ án. Kết quả giải quyết án tham nhũng phụ thuộc vào chất lượng, tiến độ, tác động xã hội của vụ án.

- Trước hết, để đánh giá khách quan, cần xây dựng các tiêu chí để đánh giá từng hoạt động cụ thể như sau:

+ Số quyết định phê chuẩn khởi tố bị can, quyết định phê chuẩn lệnh tạm giam (bao nhiêu quyết định chính xác, bao nhiêu quyết định chưa chính xác).

+ Số yêu cầu cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Số yêu cầu điều tra (có kịp thời hay không).

+ Số bị can do VKSND đình chỉ điều tra vì không có tội.

+ Số vụ bị quá hạn điều tra, quá hạn tạm giam.

+ Số vụ trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung.

+ Số vụ bị Tòa án hủy án để điều tra lại, Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội do lỗi của kiểm sát viên trong điều tra, truy tố.

+ Số vụ có kiến nghị với Cơ quan điều tra đề nghị khắc phục thiếu sót, vi phạm; số vụ có kiến nghị với các cơ quan chức năng trong công tác quản lý, phòng ngừa tội phạm về tham nhũng thông qua giải quyết các vụ án trong điều tra, truy tố.

- Tăng cường quan hệ phối hợp trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng như: Quan hệ phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền điều tra các tội phạm về tham nhũng; giữa lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng với các lực lượng khác trong ngành công an; giữa VKSND với Cơ quan điều tra, các cơ quan có thẩm quyền điều tra ban đầu; giữa VKSND với Tòa án nhân dân; quan hệ phối hợp trong ngành Viện kiểm sát.

- Làm tốt công tác quản lý và phân loại, xử lý thông tin tội phạm tham nhũng.

Công tác quản lý và phân loại, xử lý thông tin tội phạm về tham nhũng giữ vai trò rất quan trọng đối với điều tra và truy tố các tội phạm về tham nhũng.

Mọi hoạt động đều nhằm mục đích phát hiện mọi hành vi phạm tội về tham nhũng, điều tra và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật, không làm oan người vô tội và bỏ lọt tội phạm.

3.2.1.3. Nâng cao kỹ năng áp dụng pháp luật của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố đối với vụ án tham nhũng

Viện kiểm sát các cấp phải xây dựng mối liên hệ chặt chẽ với CQĐT, các cơ quan hữu quan cùng cấp để nắm chắc và đầy đủ nguồn tin về tội phạm tham nhũng; chú ý theo dõi nắm bắt các thông tin về dấu hiệu tội phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên môi trường không gian mạng. Đảm bảo mọi tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền phải được thụ lý, giải quyết kịp thời, đúng thời hạn.

Khi nhận được quyết định khởi tố bị can, cùng các tài liệu có liên quan, Kiểm sát viên phải căn cứ vào các tài liệu của tội phạm, đối chiếu kĩ với quy định của BLHS để xác định hành vi đó là có tội hay không có tội. Và phải căn cứ vào các yếu tố cấu thành lội phạm cụ thể để xác định hành vi đó có cấu thành một tội phạm cụ thể đã quy định trong Bộ luật hình sự hay không và phải tiến hành trao đổi với CQĐT trên quan điểm pháp luật và quan điểm phối hợp, đồng thời phải nhận thức rõ vị trí, vai trò của việc kiểm sát trong việc khởi bị can, để đưa ra quyết định đúng pháp luật.Trong đó đặc biệt phải có bản lĩnh khi vấp phải các áp lực hoặc khi xảy ra những xung đột về quan điểm đối với tội danh và chứng cứ giữa VKSND và CQĐT.

Trong các vụ án tham nhũng, việc giám định tư pháp (đặc biệt là giám định tài chính) có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc giải quyết vụ án nên Kiểm sát viên phải kiểm sát chặt chẽ nội dung quyết định trưng cầu giám định, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của liên ngành tố tụng Trung ương. Nếu kết luận giám định còn có điểm chưa rõ hoặc mâu thuẫn với

các tài liệu, chứng cứ khác hoặc phát hiện hoạt động giám định có vi phạm pháp luật thì phải yêu cầu cơ quan giám định giải thích hoặc trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại; không được tự ý luận giải, cắt xén hoặc lựa chọn những nội dung theo ý chủ quan của mình để làm căn cứ giải quyết vụ án. Nếu tài liệu, chứng cứ do CQĐT cung cấp để sử dụng làm căn cứ xét phê chuẩn khởi tố bị can còn chưa đầy đủ, phải yêu cầu CQĐT bổ sung. Trong trường hợp người bị khởi tố không thừa nhận hành vi phạm tội, kêu oan thì Kiểm sát viên phải trực tiếp tham gia lấy lời khai để làm rõ các nội dung trong hồ sơ, phục vụ việc đánh giá các tài liệu chứng cứ đã thu thập; nếu thuận lợi thì chủ động tạo điều kiện để luật sư, người bào chữa tham gia việc lấy lời khai, hỏi cung bị can.

Khi vụ án kết thúc điều tra đề nghị truy tố, Kiểm sát viên phải tiếp tục nghiên cứu toàn bộ hồ sơ, thực hiện trích cứu hồ sơ hoặc số hóa hồ sơ, xây dựng báo cáo tổng hợp, đánh giá phân tích các chứng cứ buộc tội, gỡ tội; tiến hành phúc cung, nhất là các trường hợp bị can không nhận tội, thay đổi lời khai hoặc lời khai vẫn còn mâu thuẫn mà chưa được làm rõ. Trường hợp thuận lợi, cần tạo điều kiện cho luật sư cùng tham gia khi tiến hành hỏi cung; tổng hợp xây dựng báo cáo đề xuất, dự thảo cáo trạng truy tố; việc truy tố phải bảo đảm đúng người, đúng tội và đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn xét xử, Viện kiểm sát các cấp cần thực hiện đầy đủ các quy định về quy trình thủ tục và kỹ năng nghiệp vụ trong công tác thực hành QCT, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, chủ động trong xét hỏi và tranh luận với luật sư, bị cáo; tham gia tranh tụng đến cùng nhằm bảo vệ quan điểm truy tố trong cáo trạng. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thể triệu tập Điều tra viên, Giám định viên đến phiên tòa để làm rõ những vấn đề liên quan. Kiểm sát viên phải chủ động phối hợp tốt với Điều tra viên, Giám định viên để chuẩn bị nội dung cần cung cấp cho tòa.

3.2.1.4. Tuyên truyền, nâng cao ý thứcpháp luật và nhận thức về đấu tranh phòng, chống tham nhũng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân

Để cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân hệ thống chính trị hiểu được điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án tham nhũng và ủng hộ cho hoạt động này, trước hết phải tăng cường tuyên truyền, giáo dục thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thường xuyên giáo dục chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên trong từng giai đoạn cách mạng. Từ đó, họ mới thấy được vị trí, vai trò cũng như tầm quan trọng của việc điều tra vụ án tham nhũng, tự nguyện cung cấp tin báo tội phạm về tham nhũng cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân, tự nguyện tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng.

Tiến trình cải cách tư pháp còn diễn ra lâu dài, cần phải tăng cường công tác tuyên truyền về cải cách tư pháp, để cán bộ các cơ quan tư pháp thấy được lợi ích của cải cách tư pháp, thực hiện hiệu quả đường lối chỉ đạo của Đảng và Nhà nước.

Tiếp tục quán triệt và thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ, việc, vụ án tham nhũng. Các cấp ủy, tổ chức đảng, đặc biệt là bí thư cấp ủy, người đứng đầu các đơn vị trong ngành phải nêu cao vai trò, trách nhiệm trong việc thực hiện các giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo của Ban cán sự đảng VKSND tỉnh, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác phòng,

chống tham nhũng, lãng phí, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

3.2.2. Nhóm giải pháp cụ thể dành cho tỉnh Thanh Hoá

3.2.2.1. Đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Viện Kiểm sát nhân dân đối với hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành QCT trong vụ án tham nhũng

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều tra các tội phạm về tham nhũng phải thực hiện nghiêm; thanh tra, kiểm tra, đi tắt đón đầu, dự báo được tình hình tội phạm về tham nhũng để có phương án đấu tranh phòng, chống hiệu quả; phải nhạy bén trước mọi âm mưu, thủ đoạn của tội phạm để chỉ đạo cấp dưới thi hành, đồng thời, sáng suốt quyết định lựa chọn phương án điều tra mở rộng vụ án hay quyết định tố tụng ở những thời điểm quan trọng.Thông qua điều tra các tội phạm về tham nhũng, Cơ quan điều tra kiến nghị với các cơ quan hữu quan, các đơn vị, tổ chức xã hội về công tác quản lý, biện pháp phòng ngừa về tội phạm tham nhũng.

VKSND tỉnh Thanh Hóa trước hết cần nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra trong các vụ án tham nhũng. Làm rõ nguyên nhân thiếu sót của những hạn chế, yếu kém, từ đó đề ra những biện pháp khắc phục có hiệu quả nhất.

VKSND các cấp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá phải coi hoạt động thực hành QCT và kiểm sát điều tra các vụ án tham nhũng là khâu mũi nhọn của công tác phòng, chống tội phạm về tham nhũng. Thường trực phòng, chống tham nhũng của ngành kiểm sát, tham mưu cho lãnh đạo VKSND tỉnh chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tham nhũng cần phải được đầu tư đúng mức về nguồn nhân lực, trang thiết bị và kinh phí phục vụ hoạt động chỉ đạo điều hành, cho hoạt động thực hành QCT và kiểm sát điều tra các vụ án tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng do Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu (Bộ Công an) trực tiếp điều tra. Công tác lãnh đạo, chỉ

đạo các hoạt động thực hành QCT và kiểm sát điều tra các vụ án tham nhũng phải sâu sát, chỉ ra những vấn đề trọng tâm, trọng điểm của hoạt động này, phải gắn bó với cơ sở trực tiếp giải quyết vụ án.

Lãnh đạo VKSND tỉnh tập trung chỉ đạo trực tiếp, quyết liệt các vụ án trọng điểm, phức tạp, liên quan đến tội phạm tham nhũng, đặc biệt trong giai đoạn điều tra. VKSND các cấp phải xây dựng các kế hoạch kiểm tra cụ thể tại VKSND cấp dưới. Các thành viên đoàn kiểm tra có trách nhiệm thực hiện các nội dung kiểm tra có trong kế hoạch. Kết thúc đợt kiểm tra, đoàn kiểm tra cùng với đơn vị đã được kiểm tra phải họp rút kinh nghiệm về những vấn đề đã kiểm tra. Sau khi kiểm tra các đơn vị phải nghiêm túc rút kinh nghiệm về những hạn chế, thiếu sót đã được chỉ ra. Cần chọn các địa bàn, đơn vị có thành tích xuất sắc trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về tham nhũng, để có sự so sánh, học hỏi kinh nghiệm, nhân rộng điển hình.

Ngoài ra, lãnh đạo phải tổ chức tốt việc học tập, quán triệt đầy đủ các Chỉ thị, Nghị quyết của tổ chức đảng các cấp, chương trình, nội dung giáo dục chính trị hàng năm cho mọi cán bộ, đảng viên. Cán bộ, đảng viên phải tự giác tham gia một cách đầy đủ, coi đó là nhu cầu tự nhiên trong việc nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị của mỗi người.

3.2.2.2. Thực hiện cơ chế công tố gắn với điều tra theo yêu cầu của cải cách tư pháp

Quán triệt tới cán bộ, KSV trong toàn viện thực hiện và nâng cao chất lượng mối quan hệ giữa VKS với CQĐT công an tỉnh và Tòa án tỉnh Thanh Hóa trong việc giải quyết các vụ án tham nhũng trên cơ sở tạo sự thuận lợi trong công tác nhưng phải thực hiện đúng quy định của pháp luật. Cụ thể, cần đảm bảo tất cả các cán bộ của VKS tỉnh phải nhận thức được đó là một trong những nguyên tắc do pháp luật tố tụng quy định, có sự tác động, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn

nhau, đảm bảo việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mỗi ngành. Thực tiễn hoạt động tố tụng tại tỉnh Thanh Hóa cho thấy, có nhiều thời điểm các cơ quan cả nể, bao che, bỏ qua cho nhau về những sai sót nghiệp vụ, tránh tuyệt đối tình trạng không trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo quy định của pháp luật mà sẵn sàng cho phép CQĐThợp thức hóa hồ sơ đối với những sai sót. Hơn nữa, án tham nhũng có đặc trưng là án phức tạp, việc thu thập tài liệu chứng cứ rất khó khăn. Trong quá trình tố tụng, bị can, bị cáo hay thay đổi lời khai do phải đối mặt với hình phạt rất nghiêm khắc. Do vậy, đòi hỏi Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa phải có kinh nghiệm, bản lĩnh, hiểu biết về tâm lý tội phạm về tham nhũng, nắm chắc về nội dung vụ án... Kiểm sát viên có ưu thế tiếp cận vụ án sớm hơn, trong thời gian dài hơn nên cần chủ động phối hợp chặt chẽ với Thẩm phán thụ lý vụ án, kịp thời giải thích những thắc mắc, giúp Thẩm phán củng cố niềm tin khi kết tội bị cáo.

Trước hết, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát phải thống nhất nhận thức công tố gắn với điều tra, có nghĩa là thực hành quyền công tố của VKSND đi song hành và gắn liền với từng hoạt động điều tra của CQĐT. Cơ chế công tố gắn liền với điều tra được thể hiện trong suốt cả quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, vụ án về tham nhũng. Công tố luôn luôn giữ vai trò chủ đạo để nắm bắt thông tin, định hướng cho điều tra, bảo đảm các hoạt động điều tra phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. VKSND phải không ngừng nâng cao chất lượng các khâu công tác, chú trọng phát hiện sai sót, vi phạm của CQĐT để đề ra yêu cầu kịp thời, tập hợp vi phạm, sai sót của CQĐTđể kiến nghị khắc phục, rút kinh nghiệm.

3.2.2.3. Nâng cao năng lực đội ngũ kiểm sát viên thực hành quyền công tố đối với các vụ án tham nhũng

Như đã nói ở trên, chính quy mô và tính chất đặc thù của các vụ án tham nhũng đã đòi hỏi đội ngũ kiểm sát viên thực hành QCT phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm xử lý vụ án phức tạp và đông người, có bản lĩnh chính trị và trách nhiệm cao, đạo đức nghề nghiệp trong sáng. Để làm điều này cần có quyết tâm của ngành kiểm sát trên địa bàn tỉnh cũng như của từng cán bộ, kiểm sát viên trong hệ thống VKSND.

Muốn có cán bộ có đạo đức tốt, trước hết phải giáo dục, bồi dưỡng lòng yêu nước, lòng nhiệt tình, say mê đối với công việc, công tác nghiệp vụ. Cần nâng cao năng lực cán bộ đấu tranh phòng, chống tội phạm về tham nhũng. Cụ thể là: tăng cường đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng trong và ngoài nước về thực thi pháp luật, phòng chống tội phạm hình sự và truy bắt các đối tượng truy nã đặc biệt, đối tượng trốn ra nước ngoài; tổ chức sinh hoạt chuyên môn về THQCT các vụ án tham nhũng, khuyến khích và có cơ chế đảm bảo các cán bộ, KSV của VKSND tỉnh Thanh Hóa đầu tư nghiên cứu nghiệp vụ về giải quyết án tham nhũng theo định kỳ hoặc theo những chuyên đề cụ thể, góp phần nâng cao nhận thức lý luận và kinh nghiệm thực tiễn cho cán bộ; thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm hoạt động thực tiễn giải quyết án tham nhũng trong cơ quan, khuyến khích, động viên cán bộ, Kiểm sát viên trao đổi, thảo luận một cách thẳng thắn, trung thực khi chỉ ra những thiếu sót, tồn tại cần khắc phục; bố trí cán bộ có năng lực, kinh nghiệm thực tiễn hướng dẫn, giúp các đồng chí cán bộ, kiểm sát viên khác. Trong số các yêu cầu kể trên, cần đặc biệt chú trọng đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho kiểm sát viên, đặc biệt là các KSV có năng lực nhất trong đơn vị nhằm đảo bảo các KSV này phải có phương pháp nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, kỹ năng cần thiết trong giải quyết loại án này. Cần chủ động hơn nữa trong việc cử cán bộ đi đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài ngành theo hướng nâng

cao trình độ học vấn (thạc sỹ, tiến sỹ), và chuyên sâu về các tội phạm phổ biến ở địa phương. Khuyến khích cán bộ học thêm bằng đại học thứ 2, học ngoại ngữ, tin học để nâng cao trình độ về mọi mặt đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đề ra.

Đầu tư nghiên cứu khoa học và sơ kết, tổng kết về điều tra và truy tố các tội phạm về tham nhũng. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào công tác phòng, chống và kiểm soát tham nhũng. VKSND cần gắn chỉ đạo tổng kết thực tiễn, sơ kết, tổng kết chuyên đề, làm rõ các vướng mắc, bất cập và bài học kinh nghiệm, xây dựng khoa học nghiệp vụ kiểm sát, nghiệp vụ phòng chống tham nhũng, xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Ngoài ra, cần chủ động hợp tác quốc tế để có cơ hội nâng cao nhận thức, học hỏi kinh nghiệm giải quyết vụ án tham nhũng của các nước.

Hàng năm cần gắn nội dung kiểm điểm, bình xét, phân loại đảng viên với nhận xét đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ. Phát huy dân chủ, thực hiện tốt nguyên tắc "lãnh đạo tập thể, cá nhân phân công phụ trách". Xây dựng mối đoàn kết, thống nhất giữa cấp uỷ và lãnh đạo cơ quan trong chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ; quản lý, rèn luyện cán bộ, kịp thời khắc phục yếu kém, vướng mắc trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, kiểm sát viên trong ngành Kiểm sát. Đồng thời cần tiếp tục đổi mới công tác đánh giá phân loại cán bộ công chức. Việc nhận xét, đánh giá công chức phải thật sự nghiêm túc, khách quan (tránh hình thức) trong việc đánh giá phân loại công chức, đảm bảo chặt chẽ đúng với trình độ năng lực, dựa trên hiệu quả công việc, đảm bảo tính công bằng, tránh cào bằng.

3.2.2.4. Tăng cường đầu tư kinh phí, trang thiết bị phục vụ công tác thực hành quyền công tố đối với các vụ án tham nhũng

Cần bảo đảm kinh phí hỗ trợ công tác điều tra, xử lý các vụ án tham nhũng nghiêm trọng liên quan đến nhiều địa phương, địa bàn nước ngoài, truy bắt các đối tượng truy nã trốn ra nước ngoài.

Hiện nay, tại tỉnh Thanh Hoá, các trang thiết bị, phương tiện phục vụ giải quyết các vụ án tham nhũng như: băng ghi âm, xe máy, ô tô, các thiết bị công nghệ thông tin…để điều tra, theo dõi, hỏi cung, khám nghiệm hiện trường, tống đạt lệnh, cáo trạng của các đơn vị đang còn rất thiếu. Cần nâng cấp và trang bị đầy đủ các phương tiện kỹ thuật, thông tin liên lạc, công cụ hỗ trợ, cơ sở dữ liệu tội phạm… cho các đơn vị chuyên trách để phục vụ điều tra các vụ án tham nhũng.

Một trong những khâu đột phá trong hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án hình sự nói chung, vụ án tham nhũng nói riêng ở tỉnh Thanh Hoá trong thời gian tới là phải chú trọng áp dụng công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng nội dung phát biểu của Kiểm sát viên tại các phiên tòa, chỉ đạo Kiểm sát viên nghiên cứu hồ sơ vụ án và các văn bản pháp luật có liên quan, chuẩn bị tốt đề cương, chủ động xét hỏi tranh luận và thực hiện việc "số hóa hồ sơ vụ án", tăng cường công bố tài liệu, chứng cứ bằng hình ảnh tại phiên tòa nhằm nâng cao tính thuyết phục, làm sáng tỏ nội dung vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo và hậu quả của tội phạm để đề nghị áp dụng tội danh, mức hình phạt có căn cứ, giúp hội đồng xét xử đưa ra bản án khách quan, đúng người, đúng tội.

Tiểu kết chương 3

Trên địa bàn tỉnhThanh Hóa trong những năm qua, nhờ thực hiện tốt công tác áp dụng pháp luật trong thực hành QCT nói trên đã tạo cơ sở cho hoạt động xử lý tội phạm về tham nhũng đạt được hiệu quả cao nhất. Qua đó đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm trên địa bàn tỉnh.

Song thực tiễn cho thấy cả trong nhận thức và thực thi áp dụng pháp luật trong giải quyết các vụ án tham nhũng đã bộc lộ một số mặt hạn chế gây ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung, tội phạm tham nhũng nói riêng. Những hạn chế đó có nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan. Để khắc phục những hạn chế đó cần có các giải pháp nhằm bảo đảm áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng từ thực tiễn tỉnh Thanh Hoá.

Kết quả nghiên cứu tại chương 3 luận văn đã dẫn đến việc đề xuất hai nhóm giải pháp, gồm nhóm giải pháp chung và nhóm giải pháp cụ thể dành riêng cho tỉnh Thanh Hoá. Các giải pháp này vừa có ý nghĩa khắc phục nguyên nhân của các hạn chế, tạo khuôn khổ nâng cao hiệu quả hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành QCT của VKSND tỉnh Thanh Hóa, vừa góp phần vào thực hiện các nhiệm vụ chính trị tại địa phương và của toàn ngành Kiểm sát nhân dân ở nước ta hiện nay.

KẾT LUẬN

Kể từ khi được thành lập (năm 1960) đến nay, VKSND luôn là một thiết chế hiến định, một hệ thống cơ quan nhà nước độc lập, thực hiện chức năng thực hành QCT, kiểm sát việc tuân theo pháp luật (trước đây), và nay là thực hành QCT, kiểm sát hoạt động tư pháp, dưới sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của Viện trưởng VKSND tối cao. Trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, theo quy định của pháp luật, VKSND có trách nhiệm thực hành QCT, kiểm sát hoạt động tư pháp từ khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với các vụ án về tội phạm tham nhũng, chức vụ; và trực tiếp điều tra, truy tố tội phạm tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc CQĐT, VKSND, TAND, cơ quan thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp theo quy định của pháp luật.

Để thực hiện vai trò, trách nhiệm nói trên, VKSND tỉnh Thanh Hoá đã thành lập các bộ phận và phân công cán bộ chuyên trách làm nhiệm vụ thực hành QCT, kiểm sát điều tra, truy tố, kiểm sát xét xử các vụ án tham nhũng, chức vụ. Trong thực tiễn hoạt động, VKSND tỉnh Thanh Hoá đặc biệt coi trọng công tác áp dụng pháp luật trong thực hành QCT, coi đó là yếu tố căn bản để truy tố đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng tại tỉnh Thanh Hoá đã mang lại những kết quả đáng khích lệ, góp phần giải quyết kịp thời, chính xác, đúng pháp luật đối với các vụ án tham nhũng trên địa bàn và thuộc thẩm quyền của hệ thống cơ quan tư pháp tỉnh Thanh Hoá.

Tuy nhiên, bên cạnh thành công, hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng tại tỉnh Thanh Hoá còn một số khó khăn,

hạn chế thể hiện trong cả việc áp dụng pháp luật nội dung và áp dụng pháp luật hình thức. Trong đó đáng kể nhất là những hạn chế liên quan đến kỹ năng áp dụng pháp luật và những lúng túng trong xử lý mối quan hệ giữa các cơ quan tố tụng trong quá trình thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng.

Luận văn đã đi sâu tìm kiếm nguyên nhân của các hạn chế nói trên và đề xuất giải pháp để khắc phục. Tác giả luận văn cho rằng, trên bình diện chung, những việc cần làm nhất hiện nay là tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động áp dụng pháp luật về thực hành QCT, nâng cao kỹ năng áp dụng pháp luật về thực hành QCT đối với vụ án tham nhũng và tuyên truyền, phổ biến hướng tới nâng cao ý thức pháp luật, nhận thức đúng đắn về phòng, chống tham nhũng. Đối với hoạt động thực hành QCT của VKSND tỉnh Thanh Hoá, trước mắt cần tập trung vào việc đổi mới hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của VKSND và các cơ quan hữu quan, thực hiện tốt cơ chế công tố gắn với điều tra, nâng cao năng lực và phẩm chất của đội ngũ kiểm sát viên và tăng cường đầu tư kinh phí, trang thiết bị phục vụ công tác thực hành quyền công tố đối với các vụ án tham nhũng trên địa bàn tỉnh.

Chủ đề luận văn chạm đến một vấn đề rất lớn và phức tạp. Mặc dù đã hết sức nỗ lực nhưng luận văn vẫn không tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả luận văn mong muốn nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo và đồng nghiệp để có thể tiếp tục chủ đề nghiên cứu này theo hướng mở rộng hơn và đẩy sâu hơn những nội dung đã được đề cập.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2013), *Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình*, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

4. Vũ Quang Hưng (2016), *Vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong đấu tranh phòng chống tội phạm theo Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014*, Tạp chí Công an nhân dân, kỳ 1 tháng 12/2016.

5. Vũ Công Giao (2020), *Quản trị tốt và phòng, chống tham nhũng,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

6. Vũ Trọng Lâm (Chủ biên) (2020), *Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

7. Vũ Trọng Lâm (Chủ biên) (2020), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8. Nguyễn Ngọc Phụng (2019), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát giai đoạn điều tra trong vụ án buôn bán trái phép chất ma túy,*Luận văn thạc sĩ, Học viện khoa học xã hội.

9. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Quốc hội (2006), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2005*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

11. Quốc hội (2017), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Namnăm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

12. Quốc hội (2017), *Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

13. Quốc hội (2016), *Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

14. Quốc hội (2016), *Bộ luật Tố tụng dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

15. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

16. Quốc hội (2015), *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

17. Tỉnh ủy Thanh Hóa (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIX Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa*, Thanh Hóa, tháng 10-2020.

18. Tòa án nhân dân tối cao (2019), *Công văn số 212/TANDTC-PC, ngày 13/9/2019 thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tổ chức phiên họp trực tuyến ngày 29/7/2019,* Hà Nội.

19. Đào Anh Tới (2018), *Mối quan hệ tố tụng giữa cơ quan cảnh sát điều tra và viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.

20. Lê Hữu Thể (2018), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nhà xuất bản Tư Pháp,Hà Nội.

21. Viện ngôn ngữ học (1994), Từ điển tiếng Việt, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.

22. “Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa - 60 năm xây dựng và trưởng thành”, Trang thông tin điện tử Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thanh Hóa,

23. “Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Xứng đáng với danh hiệu “Anh hùng Lao động”, Tạp chí Thi đua - Khen thưởng điện tử,

24. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Báo cáo tổng kết các năm từ 2013 đến 2020.

25. Nguyễn Hữu Phước (2016), “Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự từ thực tiễn huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định”, Học viện KHXH.

26. Lê Mạnh Hùng (2020), “Một số hạn chế, bất cập trong quy định về điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài và giải pháp khắc phục”, Tạp chí Tòa án số 8/2020.

27. Lê Thanh Hưng (2015), “Chức năng thực hành quyền công tố của VKSND trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đăk Nông”, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội.

28. Nguyễn Hoài Nam (2018) “Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ở nước ta hiện nay”, Học viện KHXH.

29. Nguyễn Nông (2010), Những vấn đề lý luận và thực tiễn về ủy quyền trong hoạt động của Viện Kiểm sát, Tạp chí Kiểm sát.

30. Trần Đình Nha (2014), “Công tố và thực hành quyền công tố trong TTHS, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 21 (277) tháng 11/2014

31. Nguyễn Hải Phong (2013), “Một số vấn đề về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp”, Nxb Tư Pháp 2013

THÔNG TIN HỎI ĐÁP:

Bạn còn nhiều thắc mắc hoặc muốn tìm kiếm thêm nhiều tài liệu luận văn mới mẻ khác của Trung tâm Best4Team ,
Liên hệ dịch vụ viết thuê luận văn
Hoặc qua SĐT Zalo: 091.552.1220 hoặc email: best4team.com@gmail.com để hỗ trợ ngay nhé!